



# BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

TÍCH LŨY CHỜ CƠ HỘI

Ngày: 11/08/2025 – 15/08/2025



# NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

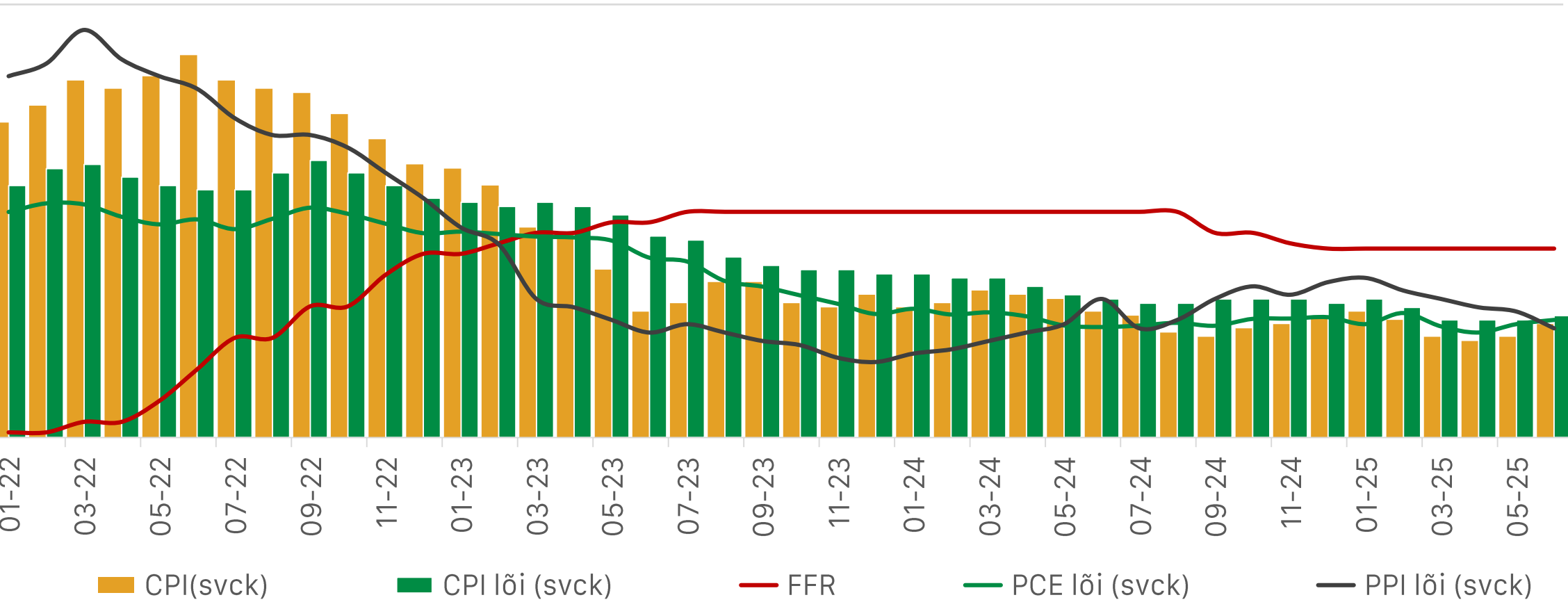


# TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



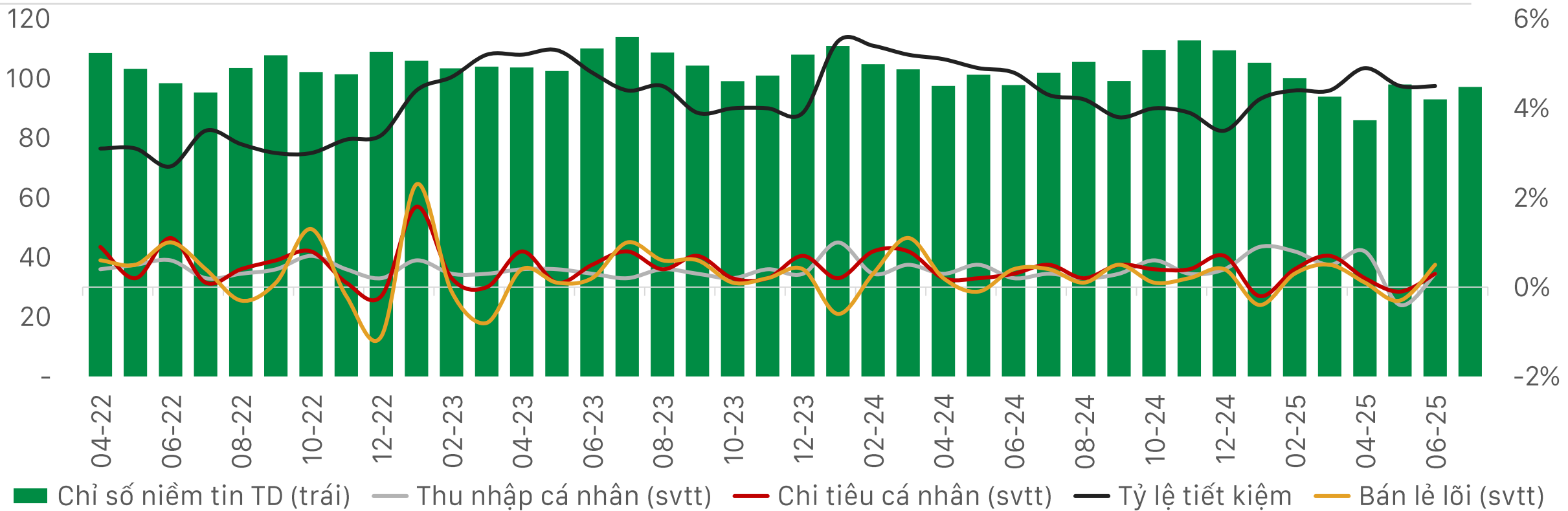
Bức tranh hiện tại là một “phục hồi kỹ thuật” — tăng trưởng GDP tạm thời mạnh nhưng nền tảng nội tại (việc làm, cầu) đang mất độ chắc; lạm phát chưa bộc phát thành vấn đề đường dài nhưng vẫn đủ để khiến Fed chờ thêm bằng chứng trước khi hành động. Hệ quả thực tế: (i) Fed có cửa để bắt đầu hạ lãi suất sớm hơn nếu lao động tiếp tục suy yếu (kịch bản thị trường giá đặt cược), (ii) rủi ro chính là một pha hạ cắt quá sớm nếu lạm phát tái tăng do yếu tố bên ngoài (thuế quan/giá), và (iii) nhà đầu tư nên theo sát ba biến số then chốt — việc làm hàng tháng, lạm phát lõi và dữ liệu giá đầu vào — để điều chỉnh chiến lược vị thế tiền tệ, thu nhập cố định và cổ phiếu.

Lạm phát tăng nhẹ nhưng chủ yếu do thuế quan

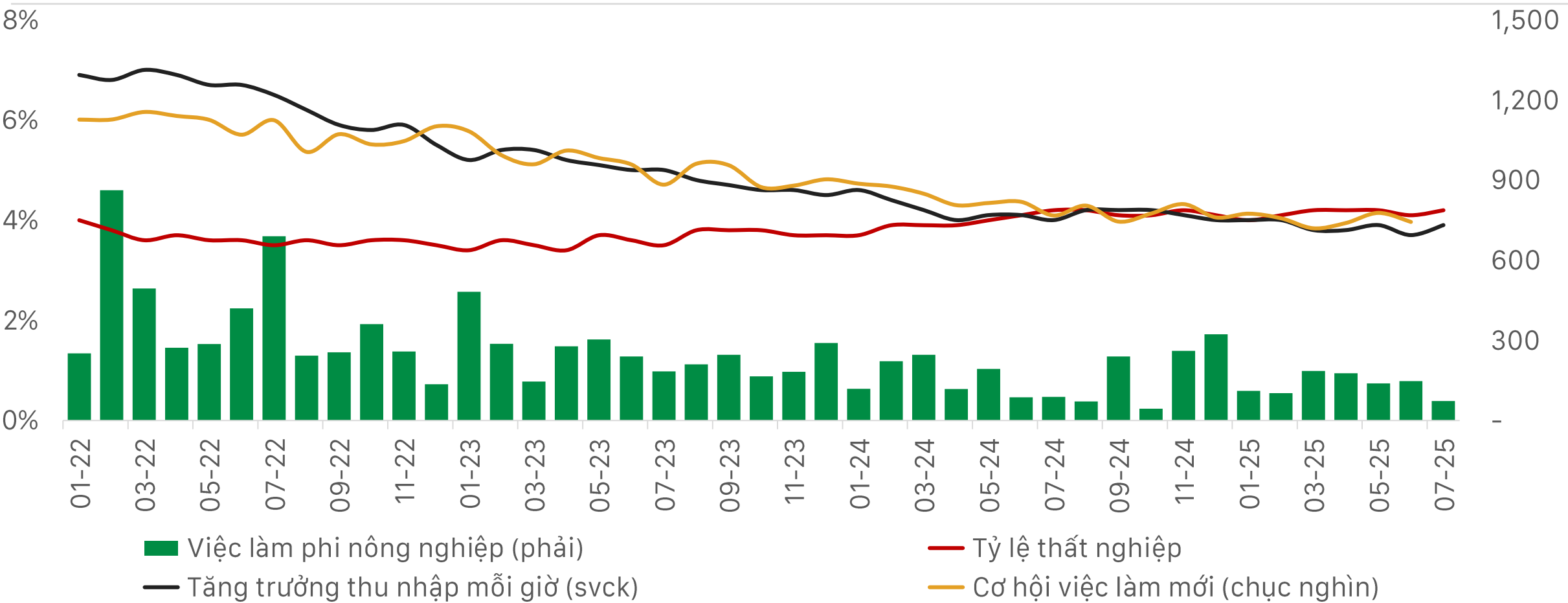


- **GDP phục hồi kỹ thuật nhưng thiếu chiều sâu:** GDP hồi phục mạnh trong quý II nhưng động lực chưa chắc — BEA công bố GDP quý II tăng 3.0% (advance), trong khi mô hình GDPNow đặt kỳ vọng quý III ở khoảng 2.5%.
- **Thị trường lao động bắt đầu suy yếu:** Thị trường lao động bắt đầu yếu đi — báo cáo việc làm gần đây cho thấy mức tạo việc làm giảm và tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ so với đầu mùa hè.
- **Lạm phát chung hạ nhiệt, lạm phát lõi vẫn dai dẳng:** Lạm phát lõi vẫn dai dẳng nhưng tổng thể có xu hướng hạ nhiệt; chính quyền Fed đang nghiêng về hướng thận trọng và một số quan chức thể hiện sẵn sàng cắt lãi nếu dữ liệu tiếp tục yếu

Chi tiêu và niềm tin tiêu dùng tăng nhẹ trở lại

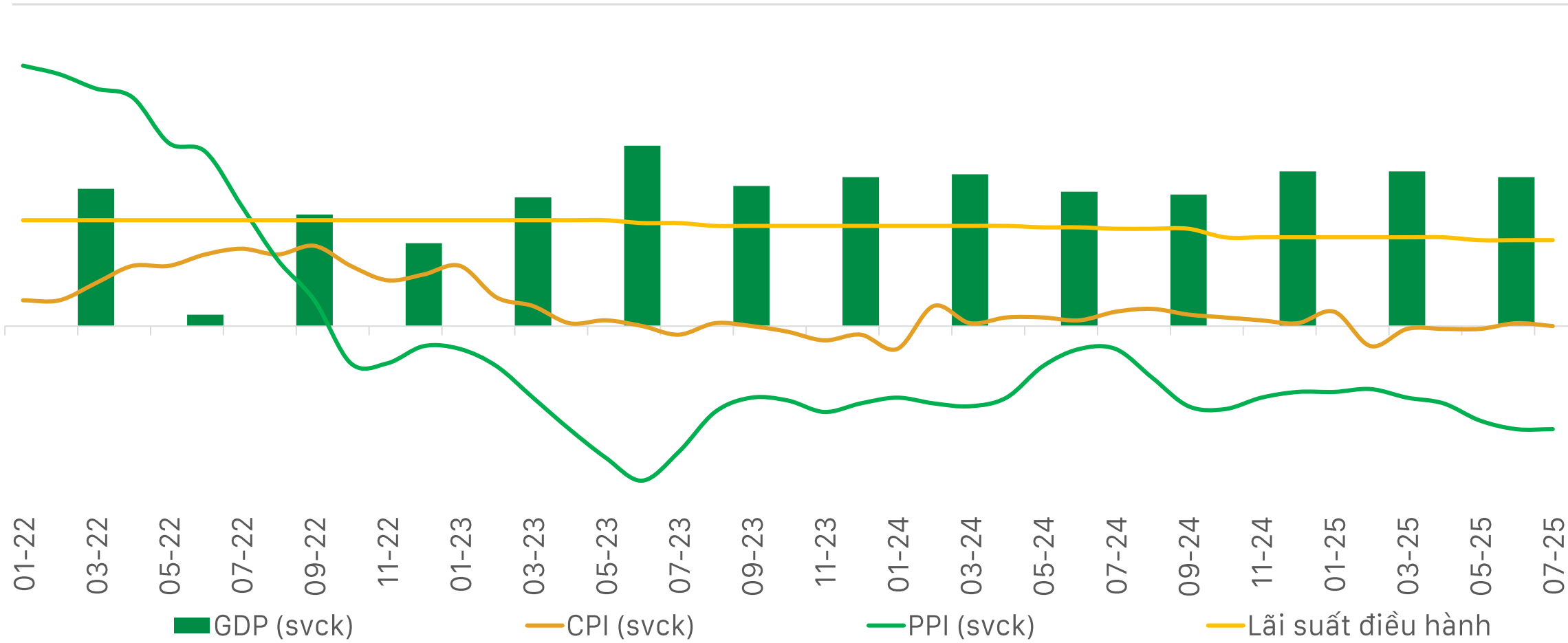


Thị trường lao động bắt đầu rạn nứt



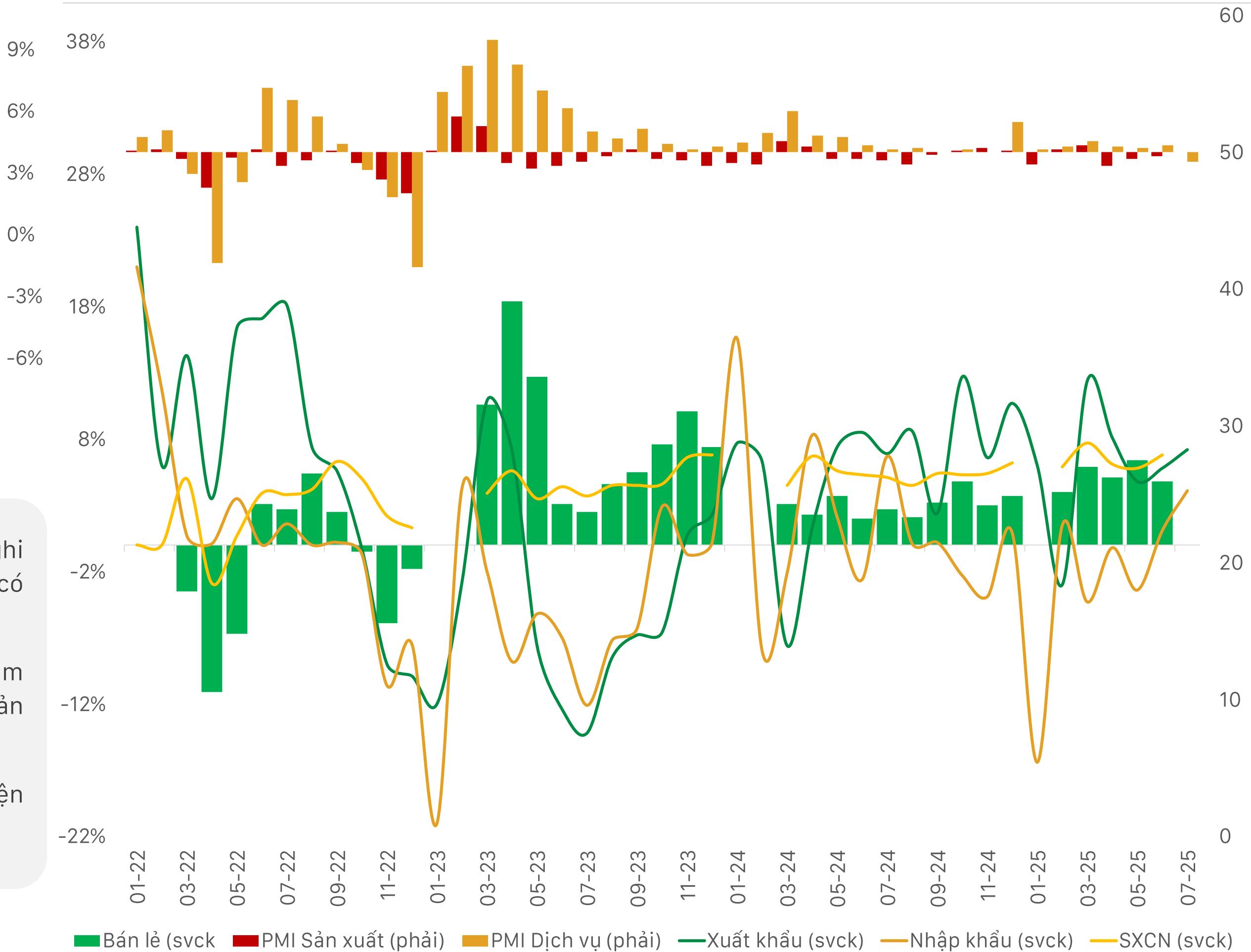
Bức tranh kinh tế có nét “hai tốc độ”: dịch vụ và một số ngành xuất khẩu đem lại điểm sáng ngắn hạn, nhưng áp lực giảm phát ở chuỗi sản xuất, nhu cầu nội địa yếu và rủi ro từ thị trường bất động sản làm giảm độ bền của phục hồi. Chính phủ đã tăng cường công cụ tài khóa (mở rộng phát hành trái phiếu kho bạc và các biện pháp hỗ trợ chọn lọc) để duy trì tăng trưởng nhưng các biện pháp này nhiều khả năng chỉ phần nào lấp đầy khoảng trống nếu không chuyển mạnh sang kích thích tiêu dùng hộ gia đình và cải tổ phân bổ tín dụng địa phương. Kịch bản khả dĩ cho nửa cuối 2025 là tăng trưởng yếu dần — vẫn có động lực kỹ thuật từ xuất khẩu — nhưng dễ bị đảo chiều nếu PPI tiếp tục suy yếu hoặc nếu cú sốc thương mại lớn hơn xuất hiện; do đó trọng tâm chính sách nên là thúc đẩy cầu nội địa, giải quyết nợ địa phương và tái cân bằng từ đầu tư- xuất khẩu sang tiêu dùng- dịch vụ.

Tăng trưởng vẫn đứng vững nhưng lệ thuộc vào công nghiệp, xuất khẩu



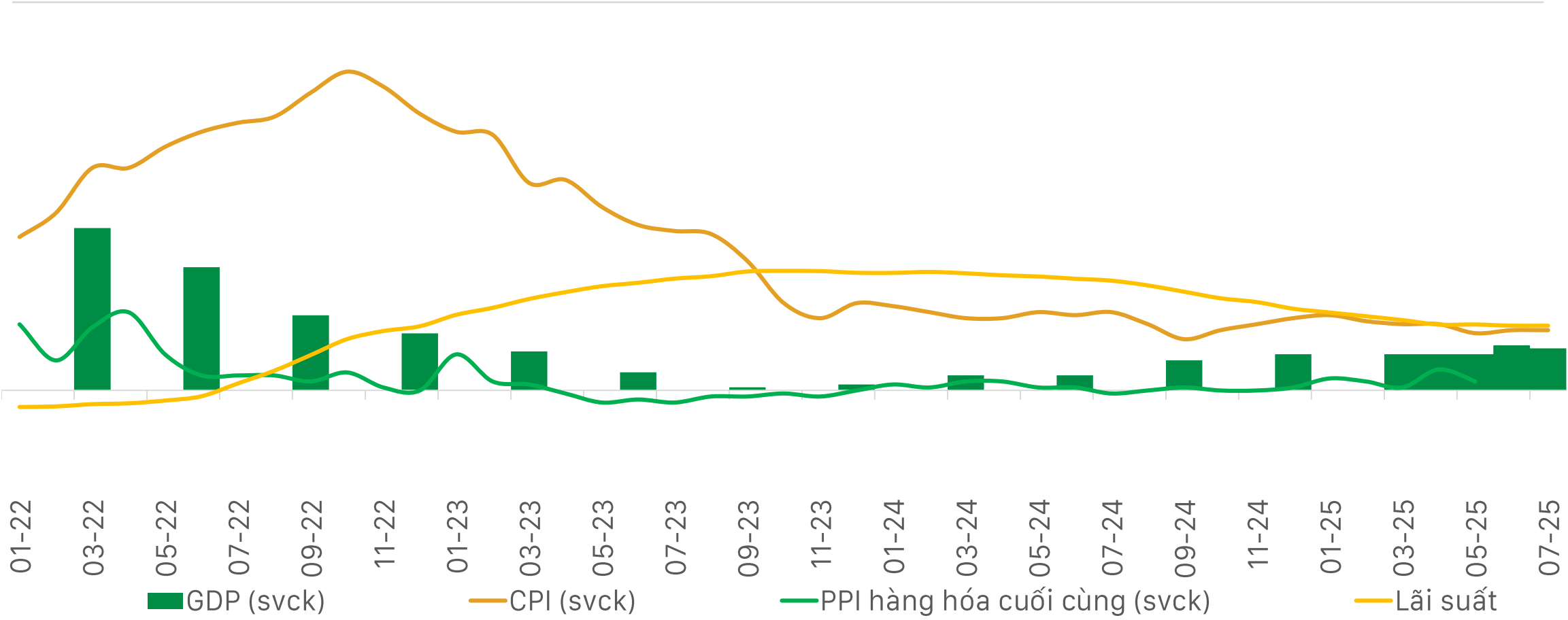
- **Tăng trưởng vẫn đứng vững nhưng lệ thuộc vào công nghiệp, xuất khẩu:** GDP nửa đầu 2025 ghi nhận tăng trưởng, nhưng động lực chủ yếu đến từ công nghiệp và xuất khẩu; quý cuối năm có nguy cơ chậm lại nếu cầu ngoài giảm.
- **Giảm phát ở khâu sản xuất, CPI ị ạch — rủi ro giảm phát còn hiện hữu:** PPI tiếp tục suy giảm mạnh trong các tháng gần đây còn CPI gần như đi ngang, cho thấy áp lực giảm phát ở phần sản xuất vẫn lớn.
- **Dịch vụ hồi phục nhưng sản xuất co hẹp — tăng trưởng không đồng đều:** PMI dịch vụ cải thiện rõ rệt trong tháng 7, trong khi PMI sản xuất cho thấy thu hẹp do đơn hàng mới và xuất khẩu yếu.

Dịch vụ hồi phục nhưng sản xuất co hẹp — tăng trưởng không đồng đều



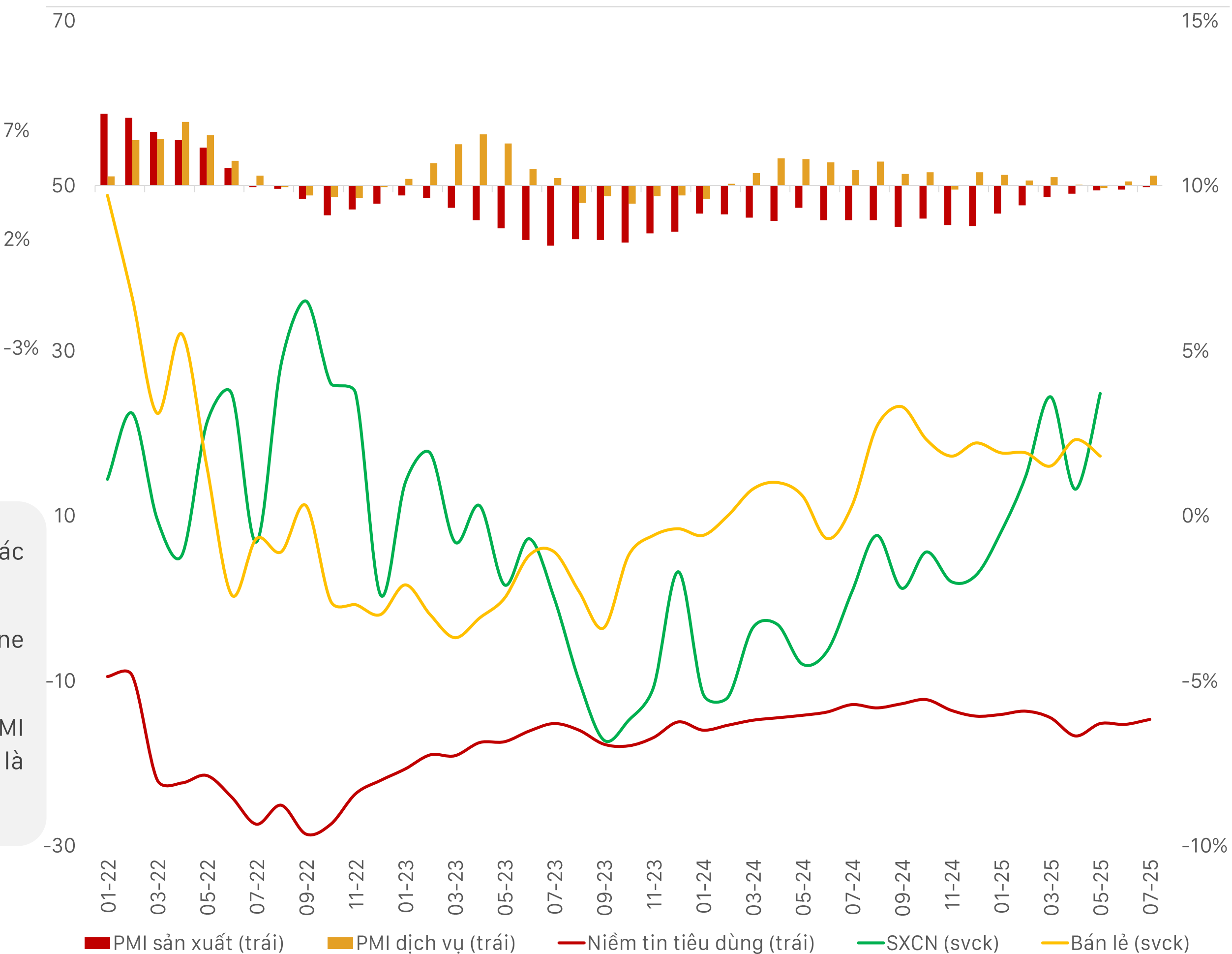
Châu Âu hiện duy trì trạng thái ổn định nhưng thiếu động lực mạnh: lạm phát ổn định tạo không gian cho ECB hành động thận trọng, song tăng trưởng nội địa còn mỏng và phân hóa giữa các quốc gia làm giảm hiệu quả truyền dẫn chính sách. Trong ngắn hạn, trọng tâm cần là phối hợp chính sách tài khóa để hỗ trợ đầu tư và tiêu dùng nơi yếu, đồng thời duy trì giám sát rủi ro ngoại sinh (thương mại, năng lượng). Nếu các cú sốc bên ngoài tăng, khu vực có thể bị kéo về giai đoạn trì trệ hơn — nên ưu tiên các biện pháp nhằm mục tiêu thúc đẩy cầu nội địa và cải thiện năng lực sản xuất cạnh tranh.

Tăng trưởng yếu nhưng bền sức - Lạm phát ổn định quanh mục tiêu



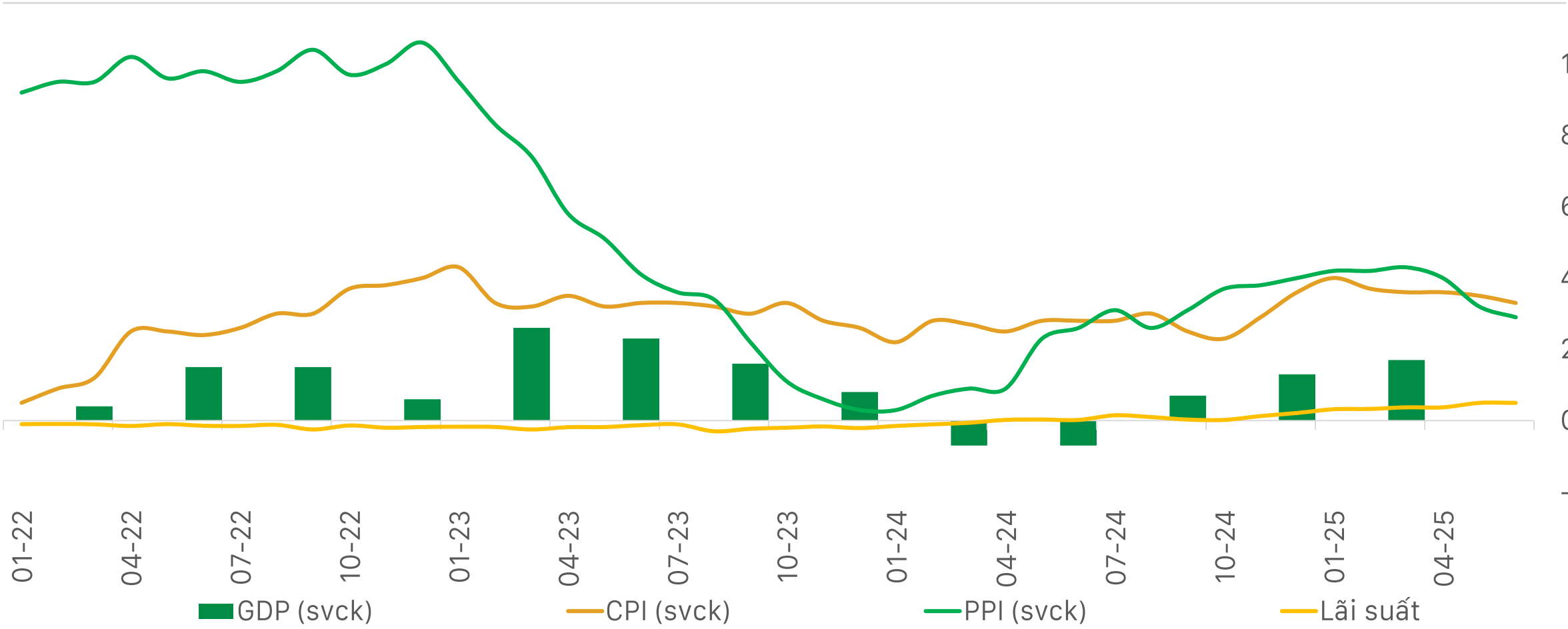
- **Tăng trưởng yếu và phân hóa vùng:** GDP quý II tăng nhẹ (q/q +0.1%), với sự khác biệt rõ giữa các nền kinh tế (Tây Ban Nha/Pháp khá hơn, Đức/Italia yếu hơn).
- **Lạm phát ở quanh mục tiêu, xu hướng hạ nhiệt tiếp tục:** Flash HICP tháng 7 ghi nhận headline inflation ~2.0%, củng cố kỳ vọng rằng áp lực giá đang dần hạ.
- **Hoạt động kinh doanh phân hóa — dịch vụ giữ nhịp, sản xuất chỉ mới tiệm cận ổn định:** PMI tổng hợp và dịch vụ >50 trong khi PMI sản xuất vẫn dưới 50 (nhích lên ~49.8), cho thấy dịch vụ là điểm sáng còn sản xuất chỉ vừa giảm tốc kém đi.

PMI cải thiện nhẹ, nhưng chưa vượt vùng co hẹp



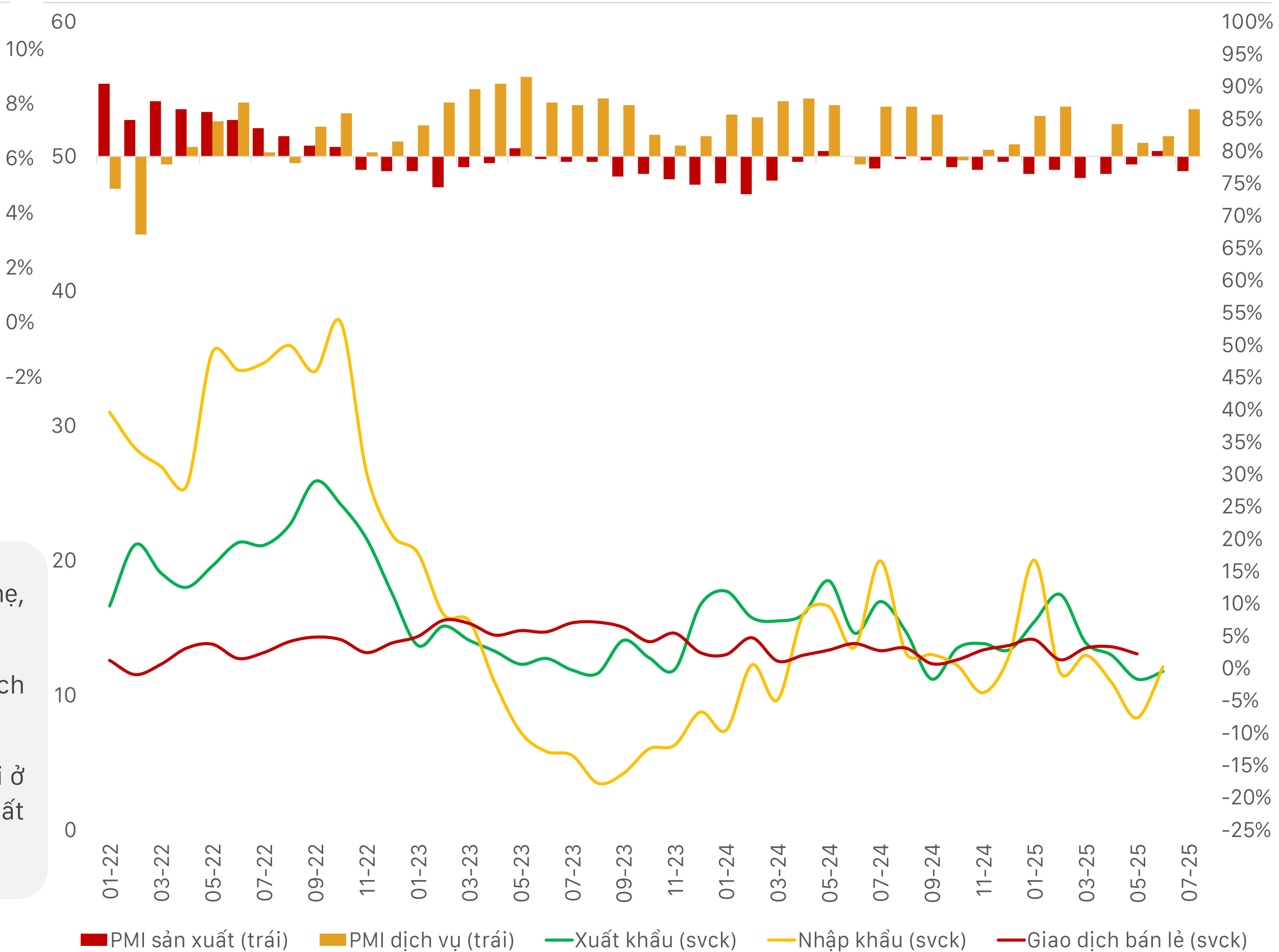
Nhật Bản hiện ở trạng thái “giằng co”: tăng trưởng nội địa đủ để không rơi vào suy thoái nhưng thiếu lực đẩy vững chắc; ngành sản xuất nhạy cảm với cú sốc thương mại trong khi tiêu dùng/dịch vụ là điểm sáng ngắn hạn. Lạm phát dai dẳng làm tăng áp lực lên BOJ để cân nhắc thắt chặt từng bước, nhưng rủi ro tăng lãi quá sớm — trong bối cảnh cầu yếu và nguy cơ suy giảm xuất khẩu do thuế quan — có thể gây tổn hại cho phục hồi. Do đó, kịch bản hợp lý là BOJ duy trì quan sát, sẵn sàng tăng lãi theo từng bước nếu dữ liệu xác nhận lạm phát dai dẳng và rủi ro thương mại giảm, còn chính phủ cần hỗ trợ mục tiêu cải thiện cầu nội địa và ổn định xuất khẩu.

Tăng trưởng bất định, phục hồi nội địa còn yếu- Lạm phát cơ bản duy trì trên mục tiêu dù có xu hướng hạ nhiệt



- Tăng trưởng chậm chạp, tránh được suy thoái kỹ thuật:** GDP quý II có dấu hiệu hồi phục nhẹ, giúp tránh hai quý suy giảm liên tiếp.
- Sản xuất co hẹp trong khi dịch vụ còn giữ nhịp:** PMI sản xuất giảm xuống dưới 50 nhưng PMI dịch vụ và PMI tổng hợp vẫn cho thấy mở rộng nhẹ.
- Lạm phát lồi vẫn trên mục tiêu; BOJ giữ lãi nhưng tranh luận tăng tỷ lệ diễn ra:** Lạm phát lồi ở mức cao hơn 2% dù có dấu hiệu hạ nhiệt, và biên bản cuộc họp cho thấy một số quan chức đề xuất khả năng tăng lãi nếu rủi ro thương mại giảm bớt.

Hoạt động sản xuất suy yếu, dịch vụ giữ vai trò cứu cánh



| Chỉ số        | Đóng cửa | 1 Tuần | 1 Tháng | Từ đầu năm | 1 Năm  |
|---------------|----------|--------|---------|------------|--------|
| Gold          | 3,397.28 | 1.0%   | 2.5%    | 29.5%      | 39.8%  |
| WTI/USD       | 63.35    | -5.9%  | -7.4%   | -11.7%     | -17.6% |
| Bitcoin       | 118,209  | 3.5%   | 0.5%    | 26.7%      | 100.9% |
| Dow Jones     | 44,176   | 1.4%   | -0.6%   | 3.8%       | 11.8%  |
| S&P 500       | 6,389    | 2.4%   | 2.0%    | 8.6%       | 19.6%  |
| Nasdaq        | 23,611   | 3.7%   | 3.3%    | 12.4%      | 27.5%  |
| GP100         | 9,096    | 0.3%   | 2.6%    | 11.3%      | 11.4%  |
| DAX           | 24,163   | 3.2%   | -1.6%   | 21.4%      | 36.3%  |
| CAC 40        | 7,743    | 2.6%   | -1.7%   | 4.9%       | 6.5%   |
| Euro Stoxx 50 | 5,342    | 3.4%   | -1.9%   | 9.1%       | 14.3%  |
| Nikkei 225    | 41,820   | 2.5%   | 5.0%    | 4.8%       | 19.4%  |
| Shanghai      | 3,635    | 2.1%   | 4.1%    | 8.5%       | 27.0%  |
| Hang Seng     | 24,859   | 1.4%   | 4.1%    | 23.9%      | 45.5%  |
| Vnindex       | 1,585    | 6.0%   | 10.7%   | 25.1%      | 29.5%  |
| Set 50        | 818      | 2.7%   | 13.5%   | -9.7%      | -0.6%  |
| VND/USD       | 26,223   | 0.0%   | 0.3%    | 2.9%       | 4.5%   |
| DXY           | 98.29    | -0.9%  | 0.8%    | -9.4%      | -4.7%  |

- Chứng khoán Mỹ trong tuần qua tăng trở lại 1.4% nhờ tâm lý lạc quan ở nhiều công ty lớn đã công bố kết quả kinh doanh quý II vượt xa kỳ vọng của các nhà phân tích. Điều này đã thúc đẩy tâm lý lạc quan của nhà đầu tư. Thị trường kỳ vọng về chính sách tiền tệ nới lỏng hơn, giúp bù đắp những lo ngại về chính sách thương mại và dữ liệu kinh tế không đồng nhất.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam sau vài nhịp rung lắc đã vươn lên cột mốc mới và hướng về mốc 1600. Dòng tiền vào thị trường vẫn dồi dào và xoay chuyển giữa các nhóm ngành. Giá vàng trong tuần tăng gần 1% lên 3397 trong khi Bicoín cũng hồi phục khá lên lại vùng giá cao nhất quanh 118,000. Kể từ khi các quỹ ETF Bitcoin giao ngay được phê duyệt tại Mỹ, một lượng lớn vốn từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân đã đổ vào thị trường này. Dòng vốn liên tục và ổn định này đã tạo ra một lực cầu mạnh mẽ, đẩy giá Bitcoin lên cao. Sự tăng trưởng của các quỹ ETF cho thấy Bitcoin đang dần được công nhận và tích hợp sâu hơn vào hệ thống tài chính truyền thống.

# ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



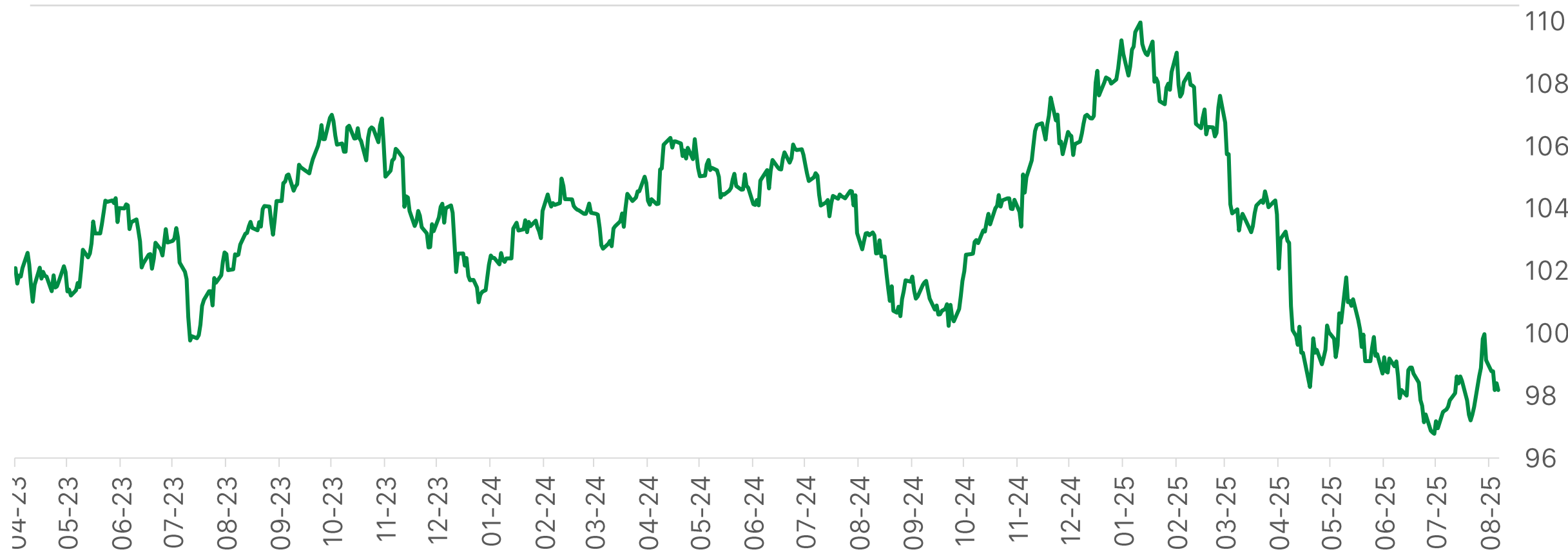
# THANH KHOẢN DUY TRÌ CAO – TỶ GIÁ NEO Ở MỨC CAO NHƯNG KỲ VỌNG USD SUY YẾU



Đồng USD thể hiện sức bật nhẹ giữa kỳ vọng Fed có thể cắt lãi suất vào mùa thu, trong khi tâm lý thị trường phản ứng mạnh với dữ liệu lao động yếu và biến động chính trị nội bộ. USD/VND giữ nhịp ở vùng cao — dù không tăng mạnh — nhờ sự khả quan từ cán cân thương mại và dòng vốn FDI ổn định đã hạn chế đà tăng giá USD quá mức. Tuy nhiên, áp lực bên ngoài (chênh lệch lãi suất, bất ổn chính trị – thương mại) vẫn là yếu tố tiềm ẩn rung lắc cho tỷ giá.

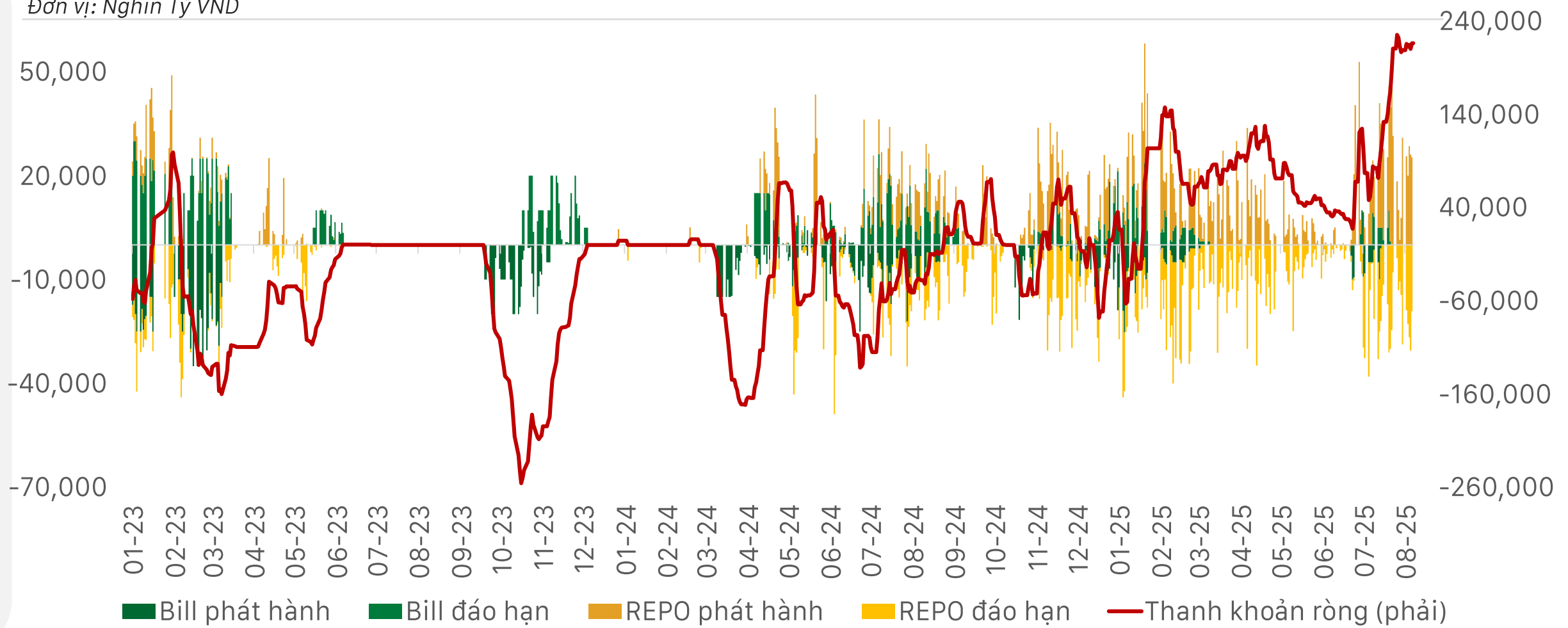
- DXY giảm áp lực sau đỉnh đầu tháng 8, phản ánh lo ngại cắt lãi sớm từ Fed:** Ngay đầu tháng, chỉ số DXY vượt qua mức 99 trước khi nhanh chóng quay đầu, giảm xuống gần mức 98.2–98.3, do kỳ vọng tăng mạnh về khả năng Fed sẽ cắt lãi suất từ tháng 9 được gia tăng nhờ dữ liệu thị trường lao động yếu và áp lực chính trị nội bộ tại Mỹ.
- USD/VND tiếp tục dao động ở vùng cao, áp lực vẫn hiện hữu - Thanh khoản ổn định nhờ chính sách tín phiếu linh hoạt:** Ngân hàng Trung ương Việt Nam tiếp tục duy trì điều hành thanh khoản chặt chẽ qua các nghiệp vụ tín phiếu và repo, giúp giữ ổn định mặt bằng lãi suất nội tệ trước xu hướng thị trường ngoại hối biến động. Tỷ giá VND/USD dao động trong vùng cao phản ánh nhu cầu USD mạnh và sự yếu đi của VND trong bối cảnh lãi suất Mỹ vẫn đang cao.
- Chính sách thị trường vẫn linh hoạt nhưng Fed đang cân nhắc nới lỏng:** Fed đang trong trạng thái chờ đợi có điều kiện — dù định hướng bắt đầu nghiêng về hạ lãi suất, quyết định cuối cùng vẫn phụ thuộc vào dữ liệu lao động và lạm phát tương lai. Cách tiếp cận này giúp bảo vệ mục tiêu kiểm soát lạm phát nhưng cũng để ngỏ kịch bản hỗ trợ tăng trưởng nếu thị trường lao động tiếp tục suy giảm.

## DXY giảm áp lực sau đỉnh đầu tháng 8, phản ánh lo ngại cắt lãi sớm từ Fed

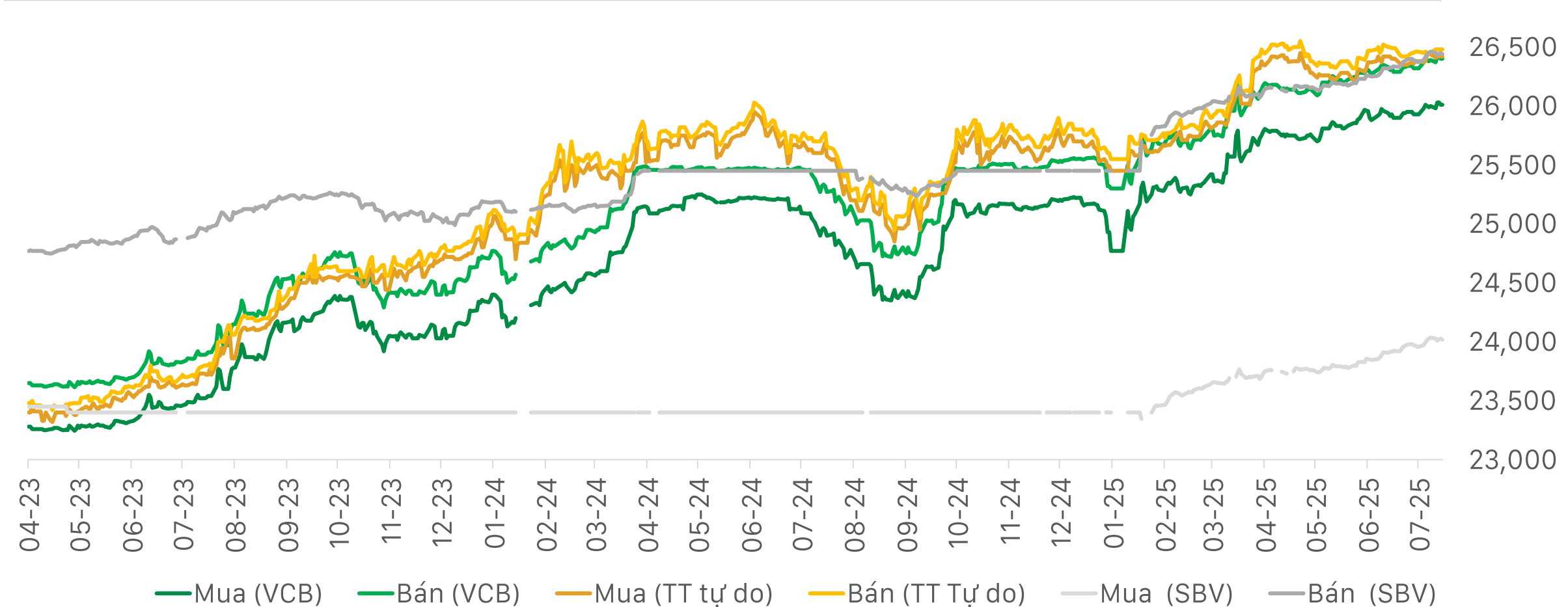


## - Thanh khoản dồi dào nhờ chính sách thị trường mở linh hoạt

Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



## USD/VND tiếp tục dao động ở vùng cao, áp lực vẫn hiện hữu Đơn vị: VND/USD

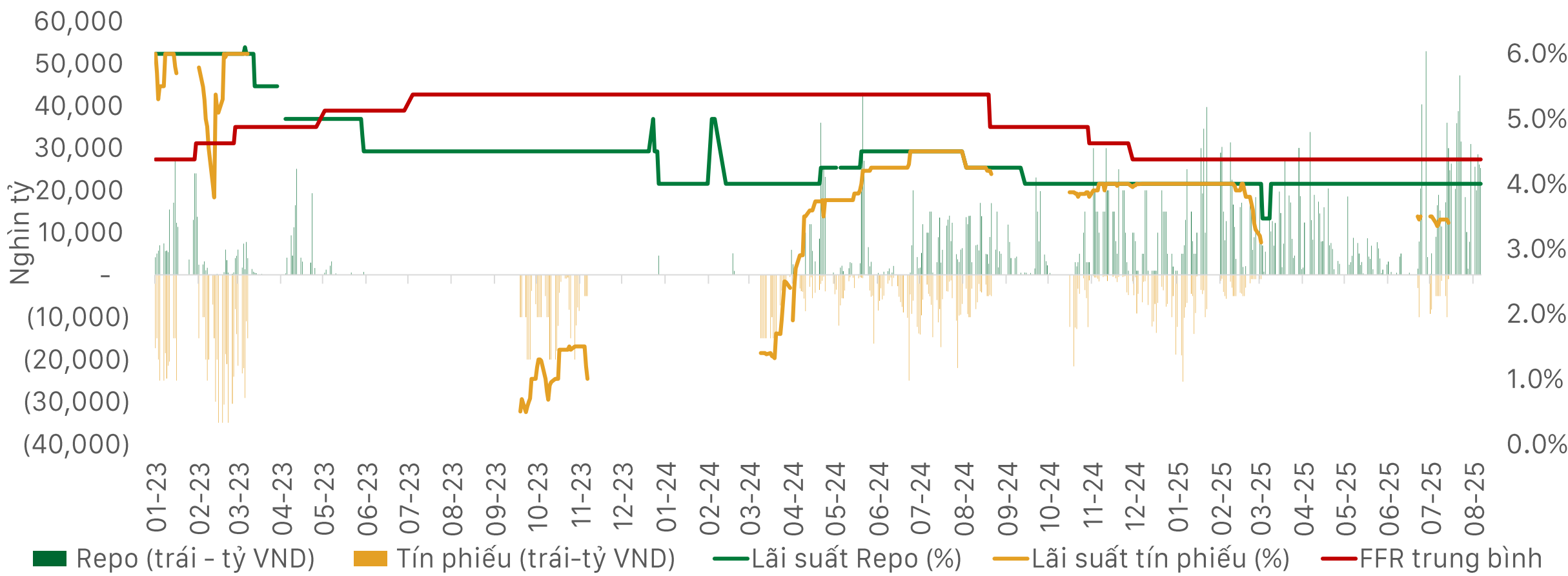


# LÃI SUẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT – THANH KHOẢN BƠM RÒNG MẠNH MỀ

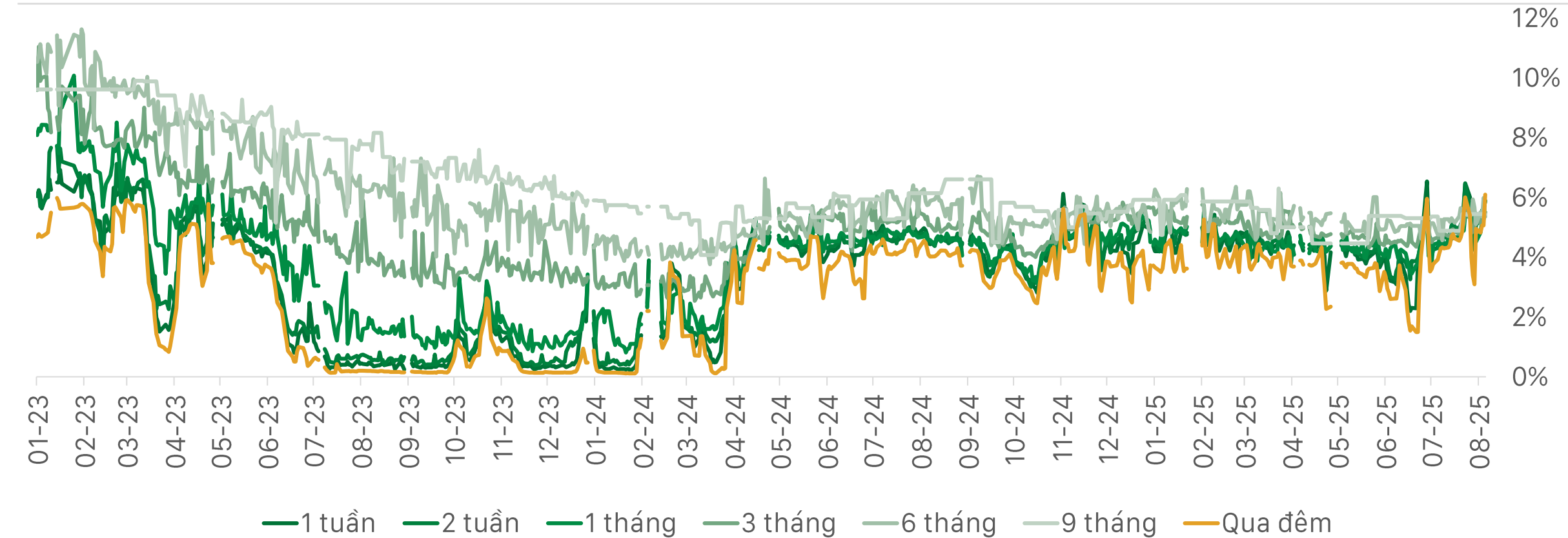


- Trong tuần gần nhất, Ngân hàng Nhà nước bơm ròng khoảng 69.855 tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO), với lãi suất ổn định ở mức 4,0%, đồng thời dừng hoàn toàn phát hành tín phiếu. Tổng lượng OMO lưu hành hiện đạt 210.871 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ đầu năm 2017.
- Mặc dù thị trường liên ngân hàng có những phiên tăng nhẹ, lãi suất qua đêm vẫn dao động trong vùng an toàn, giữa 3,8% đến 4,0%, cho thấy thanh khoản hệ thống được duy trì ổn định.
- Ngân hàng Nhà nước vẫn duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt: tiếp tục bơm thanh khoản mạnh qua OMO, kiểm chế lãi suất liên ngân hàng trong vùng ổn định, và khuyến khích tăng trưởng tín dụng để thúc đẩy phục hồi kinh tế.

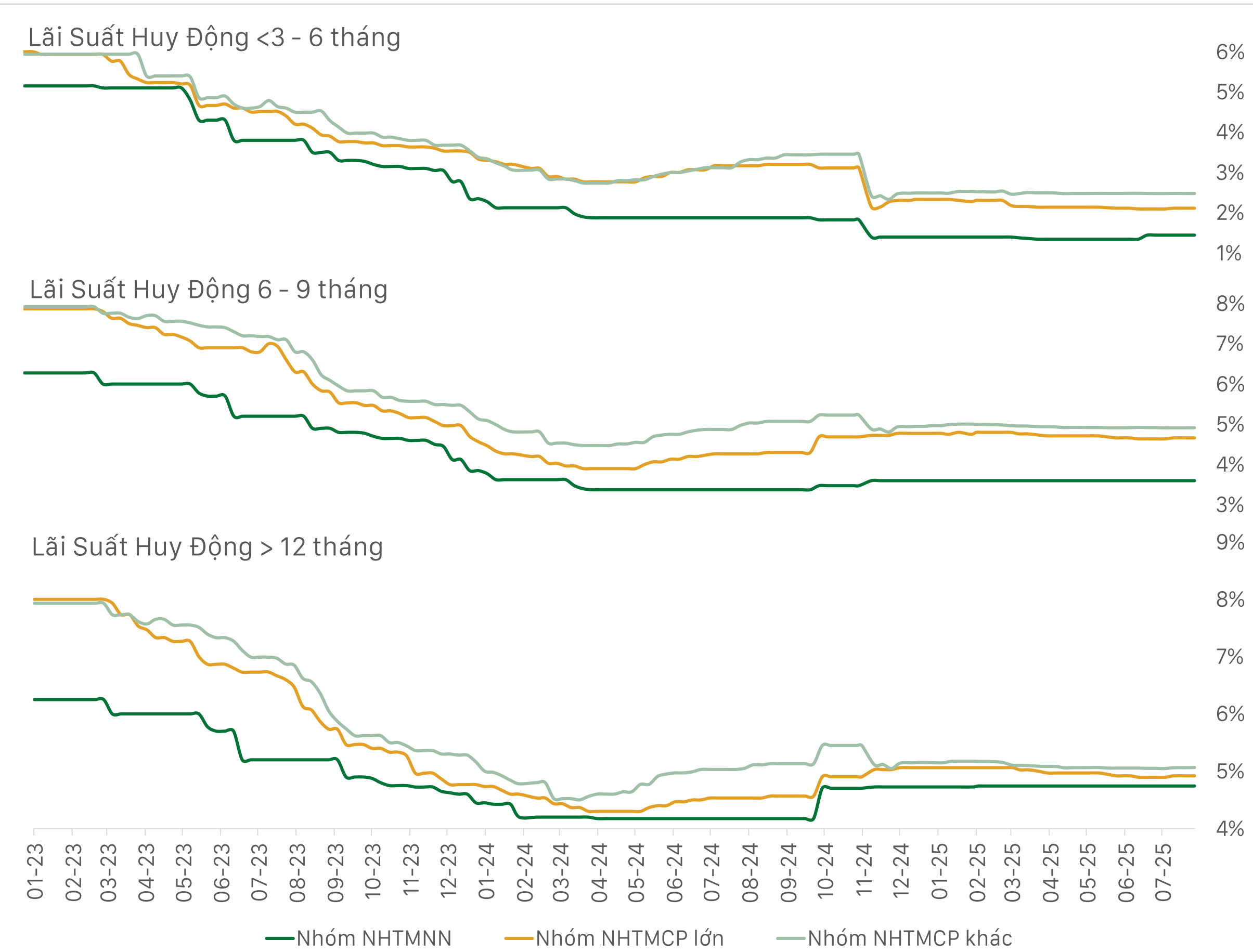
Ngân hàng nhà nước liên tục bơm ròng thanh khoản ngắn hạn vào hệ thống với mức lãi suất 4%.



Lãi suất liên ngân hàng có biến động gia tăng nhưng được điều hành và kiểm soát về mức thấp.



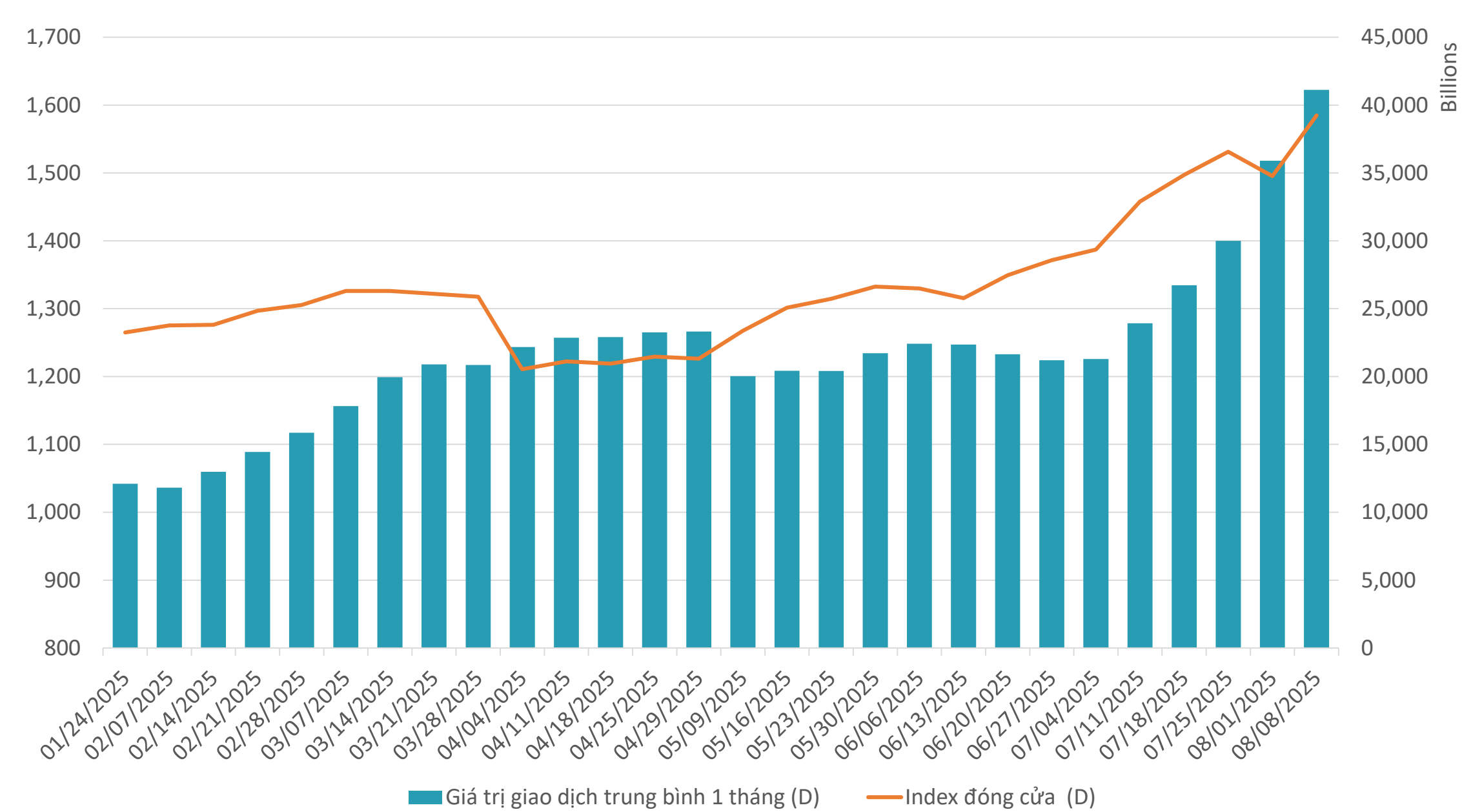
Lãi suất huy động đi ngang từ đầu năm đến nay ở mặt bằng thấp



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

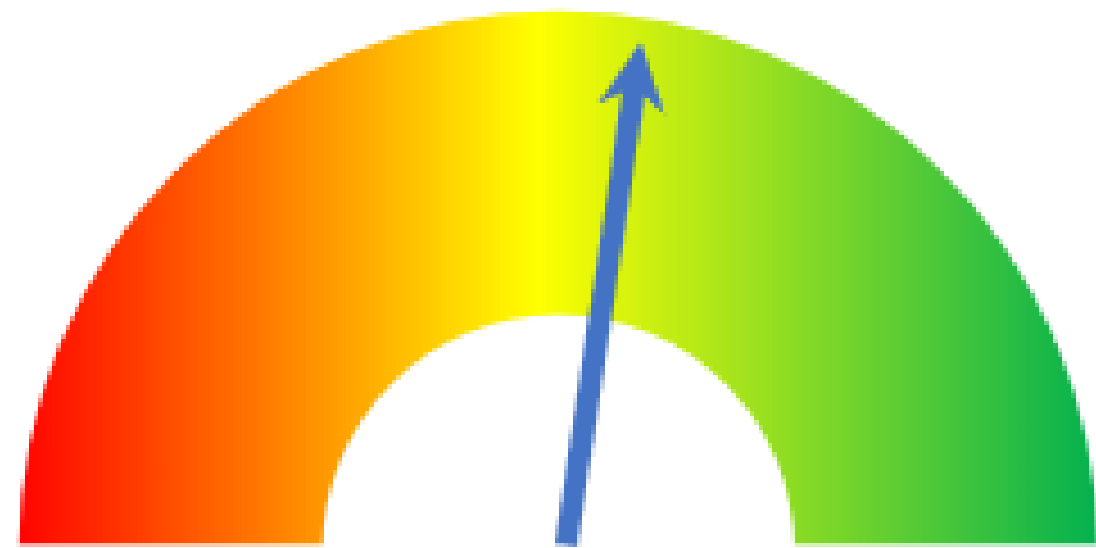


- Trong tuần qua thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục bùng nổ và liên tục xác lập các cột mốc đỉnh mới. Chỉ số Vnindex đóng cửa cuối tuần gần hơn với 1600. Tuần qua, thị trường đã ghi nhận những phiên giao dịch với thanh khoản lên tới hàng chục nghìn tỷ đồng, cho thấy dòng tiền mới đang đổ vào mạnh mẽ. Sự gia tăng thanh khoản này là một dấu hiệu tích cực, thể hiện niềm tin của nhà đầu tư vào triển vọng tăng trưởng của thị trường.
- Sau một giai đoạn tăng nóng, áp lực chốt lời đã xuất hiện ở một số phiên giao dịch. Khi VN-Index tiệm cận và vượt qua mốc 1585 điểm, nhiều nhà đầu tư đã bán ra để hiện thực hóa lợi nhuận, khiến chỉ số có những nhịp rung lắc đáng kể. Dòng tiền không còn tập trung toàn bộ vào các mã cổ phiếu vốn hóa lớn (nhóm VN30) như trước. Thay vào đó, có sự dịch chuyển sang các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ, cũng như các ngành chưa tăng nhiều. Điều này cho thấy thị trường đang bước vào giai đoạn phân hóa, nơi nhà đầu tư tìm kiếm các cơ hội ở những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng tốt hơn.

Với dòng tiền vẫn đang duy trì ở mức cao và tâm lý nhà đầu tư lạc quan, VNIndex có khả năng tiếp tục đà tăng và hướng đến mốc tâm lý quan trọng là 1.600 điểm. Các nhịp rung lắc, điều chỉnh được coi là cơ hội để thị trường củng cố nền giá vững chắc hơn. Kết quả kinh doanh quý 2/2025 khả quan của nhiều doanh nghiệp vẫn đang là một yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ. Cùng với đó, những kỳ vọng về việc nâng hạng thị trường và triển khai hệ thống KRX cũng tiếp tục thúc đẩy dòng tiền của cả nhà đầu tư trong và ngoài nước. Mặc dù có những phiên bán ròng từ khối ngoại, thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì ở mức cao. Điều này cho thấy dòng tiền nội địa vẫn đang rất mạnh mẽ và sẵn sàng hấp thụ lực cung.

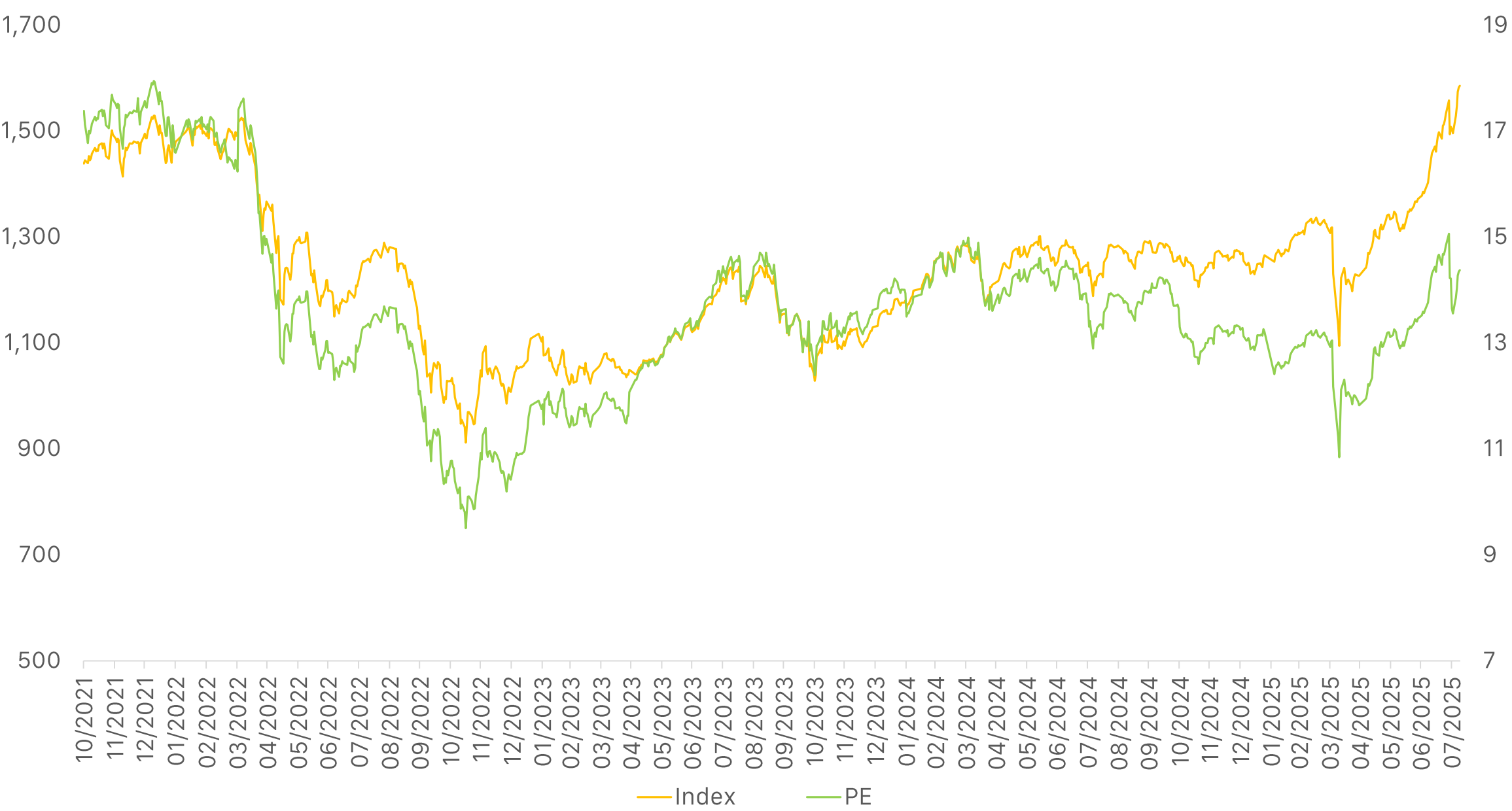


Mức độ hưng phấn thị trường

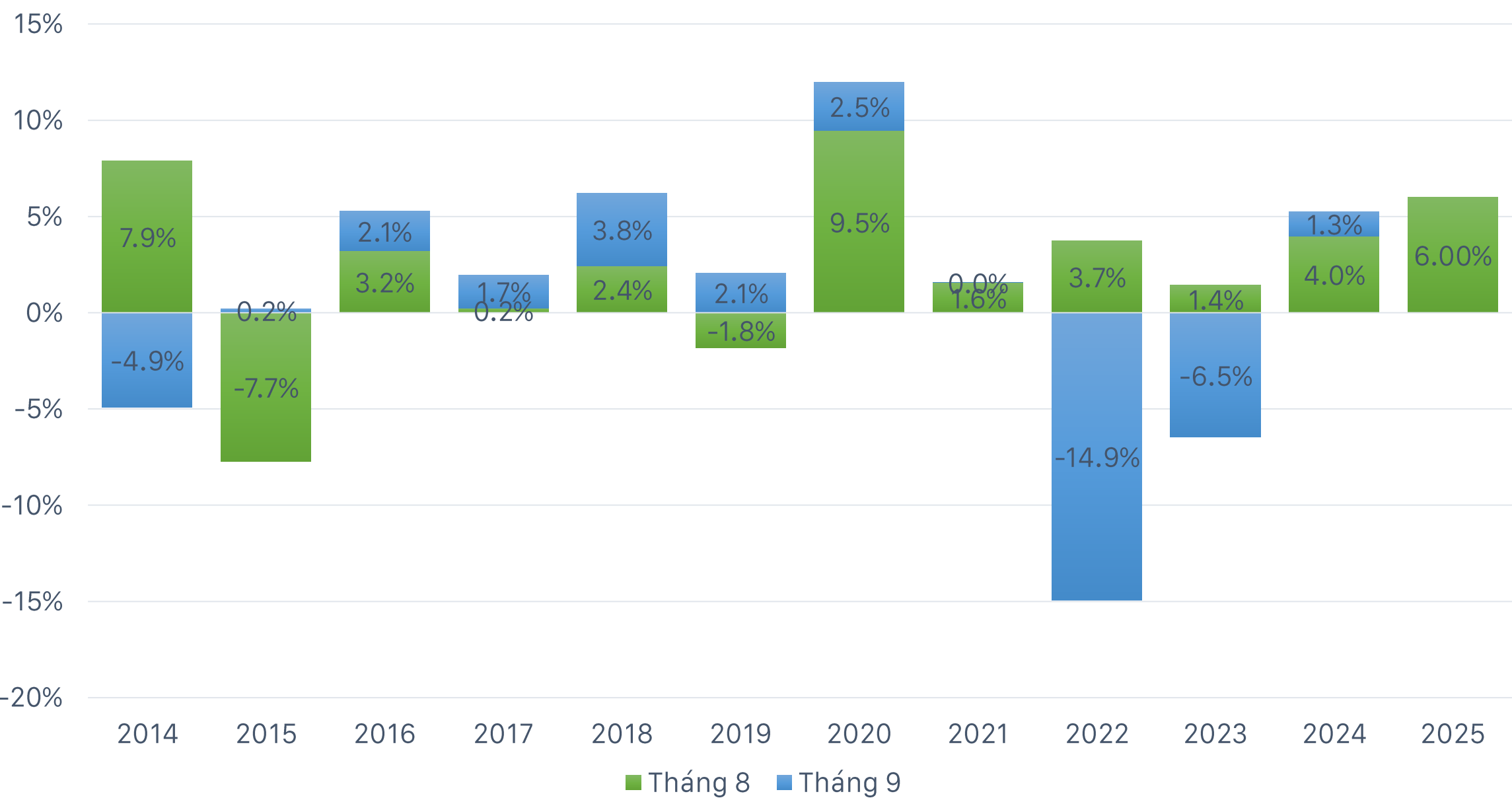


|       |       |
|-------|-------|
| RSI   | 73.70 |
| MACD  | 41.18 |
| MFI   | 75.94 |
| MA20  | 1516  |
| MA50  | 1424  |
| MA200 | 1307  |

PE thị trường hiện quanh 14.8 thấp hơn giai đoạn đầu 2024



Chu kỳ tháng 8,9 năm nay duy trì đà tăng trưởng các năm 2014 - 2021

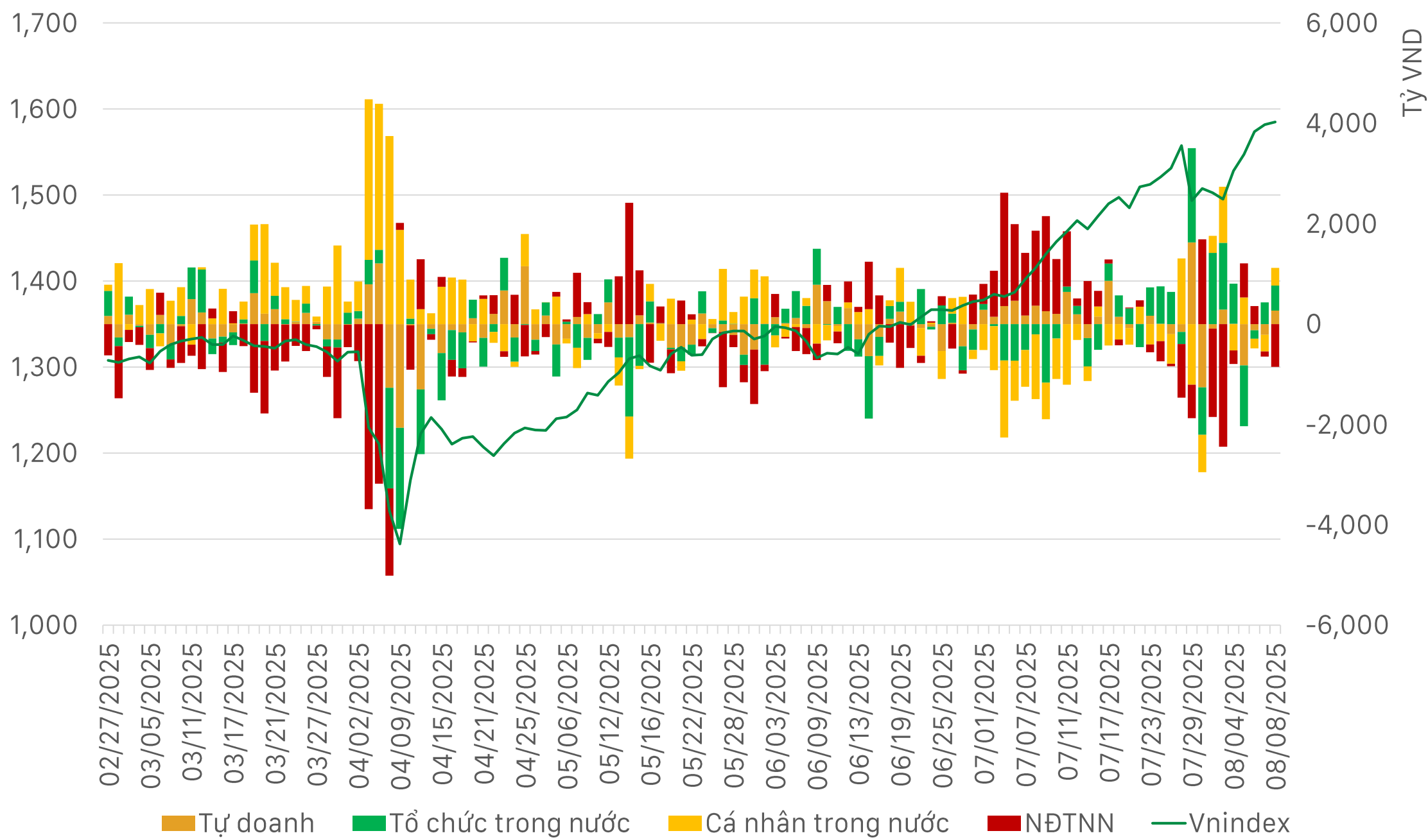


- Định giá PE thị trường hiện dao động quanh mốc 15. PE hiện tại đang vượt mức trung bình 10 năm thấp hơn chỉ số PE vào đầu năm 2022 – cùng thời điểm Vnindex đạt đỉnh cao gần 1550. Một số cổ phiếu đầu ngành thị trường ở nhóm ngân hàng có định giá khá thấp là yếu tố hỗ trợ hiện tại.
- Thị trường kỳ vọng đặc biệt vào khả năng nâng hạng vào cuối năm và kinh tế tăng trưởng như kế hoạch. Các ngành kinh tế hồi phục và đạt lợi nhuận cao là yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường duy trì tăng trưởng.
- Trong tuần đầu tiên của tháng 8 thị trường đã có mức tăng đến 6% - trở thành tháng có mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2020 – giai đoạn thị trường hồi phục sau khi rơi mạnh sau đợt dịch Covid.

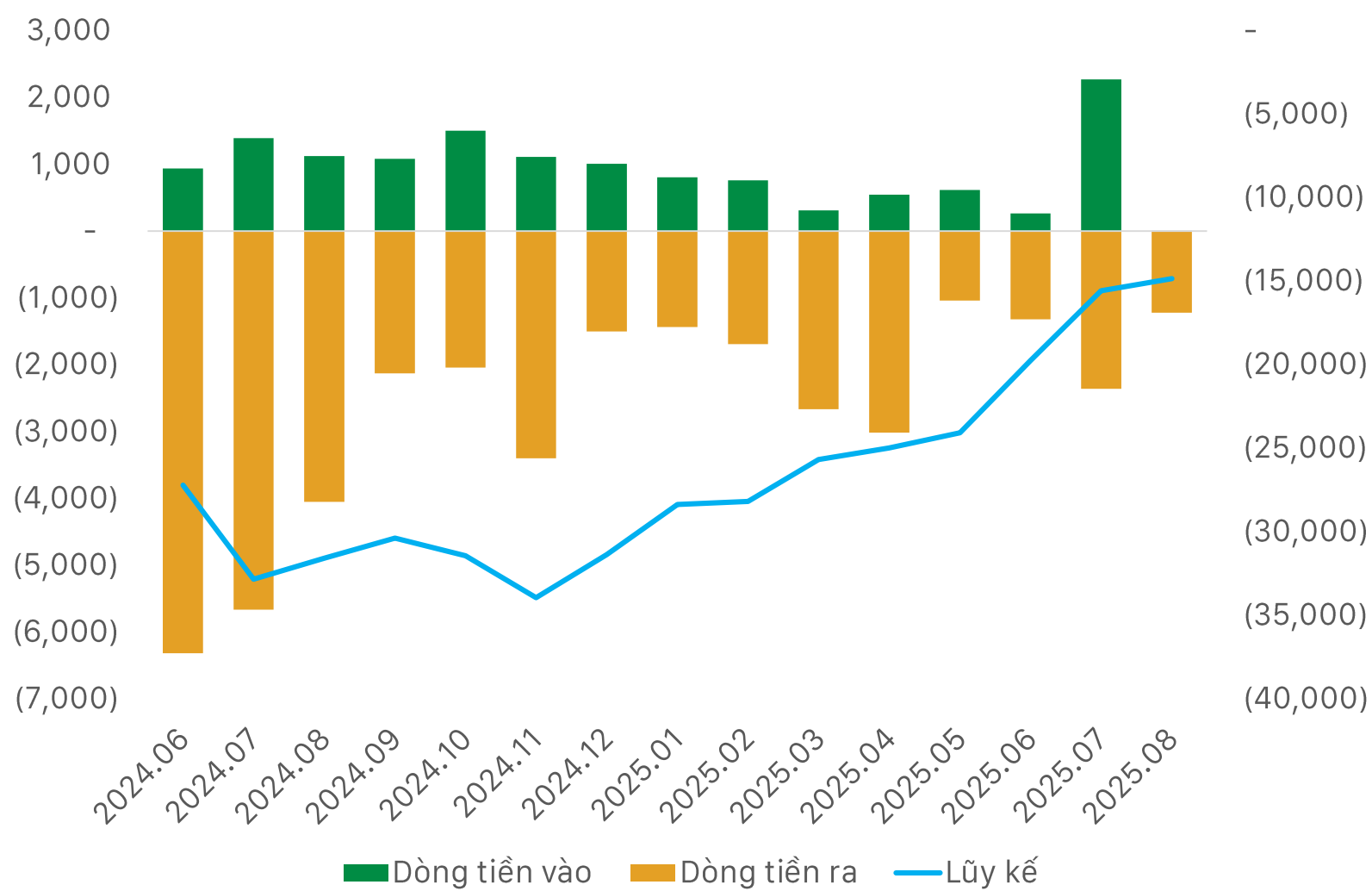
| Chỉ số / Ngành                | Index    | P/E   | % 1 tuần | % 1 tháng |
|-------------------------------|----------|-------|----------|-----------|
| VNINDEX                       | 1,584.95 | 14.37 | 6.0%     | 12.0%     |
| Ngân hàng                     | 731.21   | 10.51 | 7.5%     | 13.7%     |
| Dịch vụ tài chính             | 1,012.26 | 24.11 | 6.9%     | 31.0%     |
| Bất động sản                  | 694.48   | 18.89 | 7.1%     | 19.2%     |
| Hóa chất                      | 294.65   | 17.87 | 5.1%     | 6.6%      |
| Tài nguyên Cơ bản             | 472.86   | 20.59 | 7.4%     | 12.0%     |
| Ô tô và phụ tùng              | 599.37   | 8.22  | -1.2%    | 20.6%     |
| Bán lẻ                        | 1,423.14 | 22.77 | 6.5%     | 7.5%      |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 150.60   | 10.80 | -1.0%    | 3.8%      |
| Viễn thông                    | 1,035.26 | 33.19 | 8.4%     | 8.5%      |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 6,123.49 | 14.60 | 2.8%     | 6.1%      |
| Dầu khí                       | 88.62    | 32.94 | 7.4%     | 14.0%     |
| Thực phẩm và đồ uống          | 885.51   | 17.79 | 3.8%     | 2.6%      |
| Xây dựng và Vật liệu          | 391.94   | 11.52 | 0.5%     | 1.6%      |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 496.16   | 17.84 | 2.8%     | 5.1%      |
| Y tế                          | 992.93   | 16.24 | 0.9%     | 1.6%      |
| Công nghệ Thông tin           | 861.54   | 20.23 | -1.1%    | -1.7%     |
| Truyền thông                  | 698.90   |       | -0.7%    | 10.0%     |
| Bảo hiểm                      | 330.16   | 14.06 | 4.2%     | 2.5%      |
| Du lịch và Giải trí           | 41.05    | 19.95 | 1.9%     | 2.7%      |

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex tăng 6% nhờ sự đóng góp của các nhóm ngành đứng đầu về vốn hóa lẫn giao dịch là ngân hàng, chứng khoán, bất động sản. Nhóm ngân hàng nổi bật ở MBB, SHB, TPB, VPB, OCB.
- Một số nhóm ngành đang bứt phá mạnh nhờ kết quả quý 2 tăng trưởng như Hóa Chất, Tài nguyên cơ bản (nhóm thép), Dầu khí, Bán lẻ mà đại diện bao gồm những doanh nghiệp lớn như HPG, HSG, MWG, DGW, DPM, DCM.

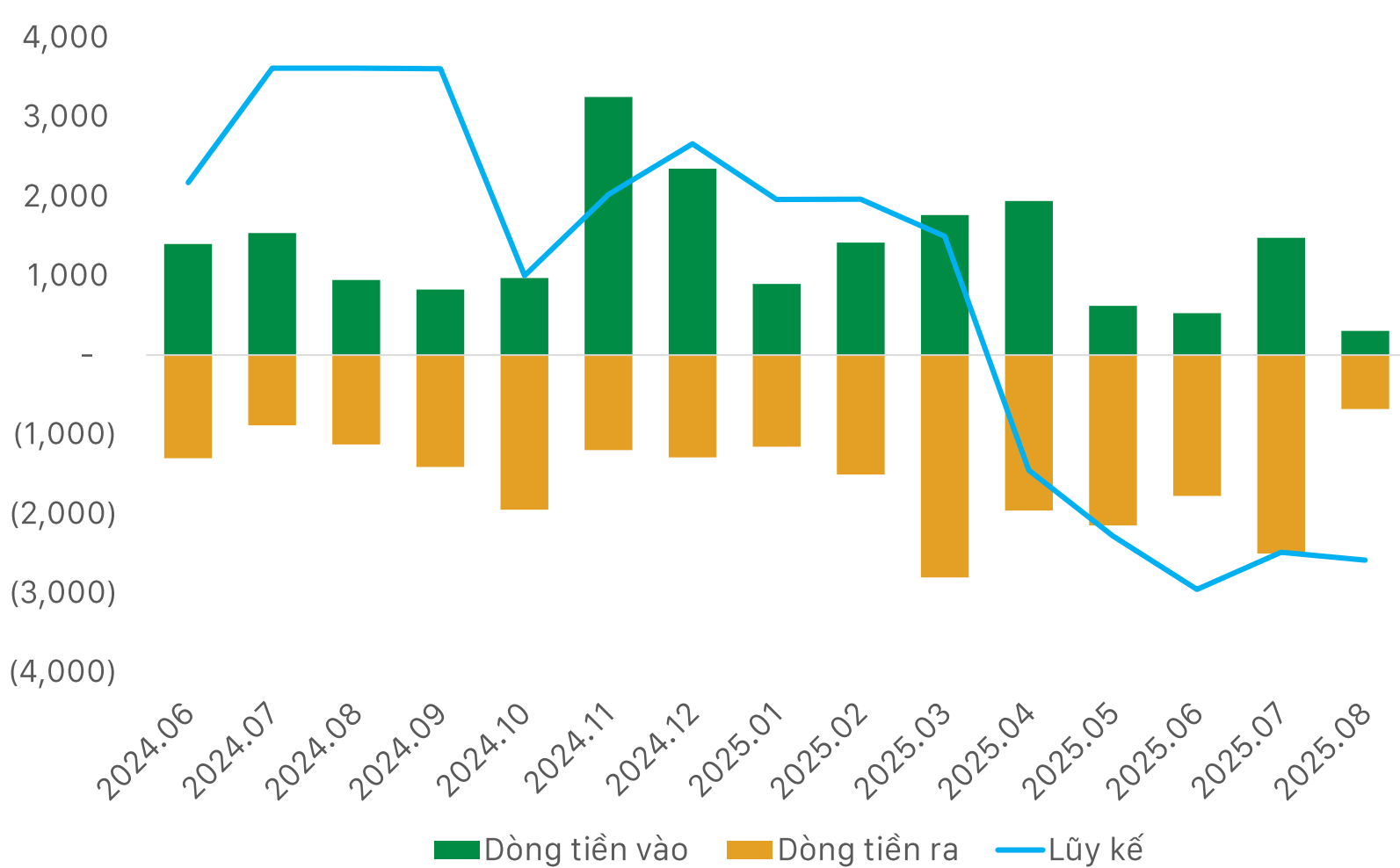
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



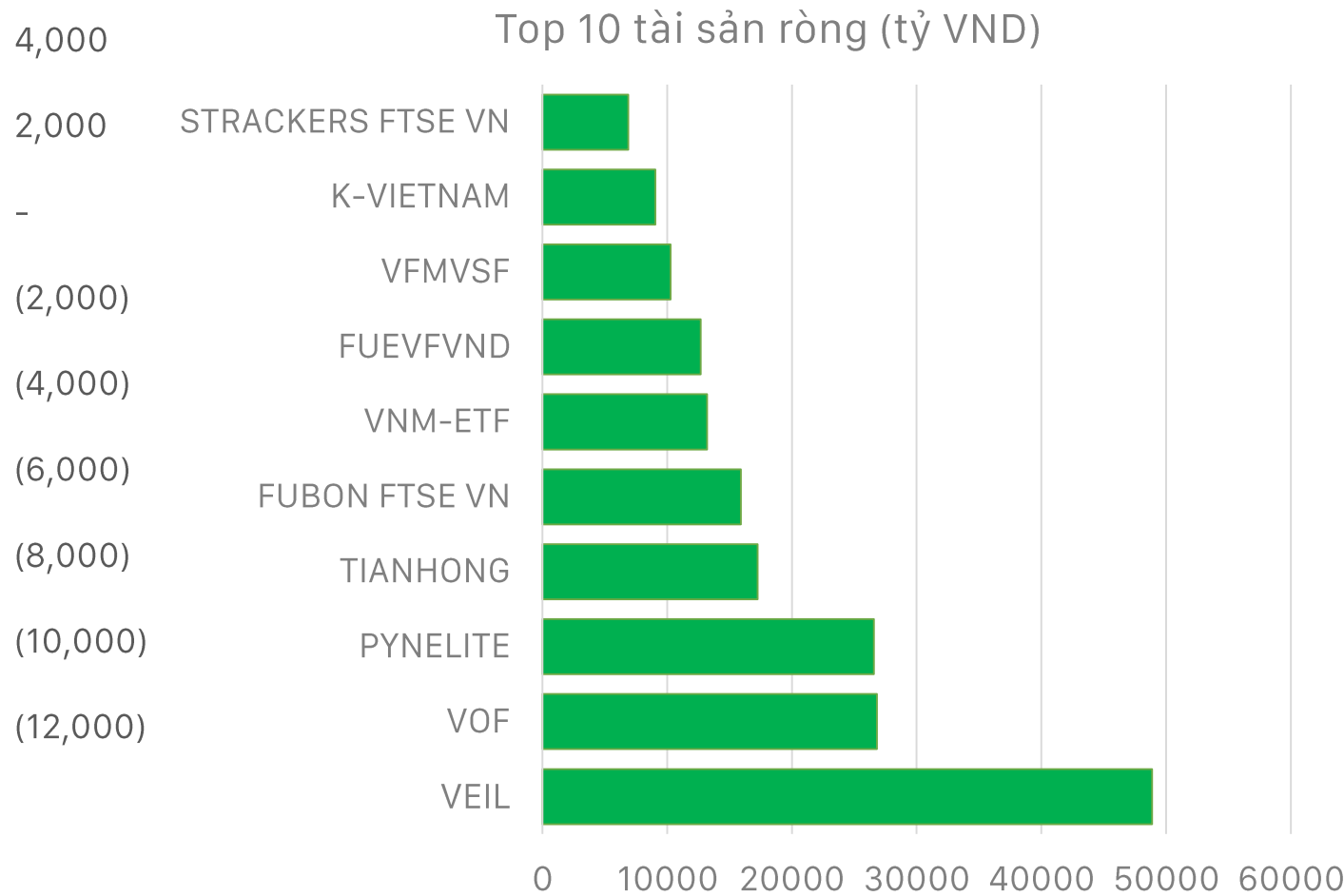
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

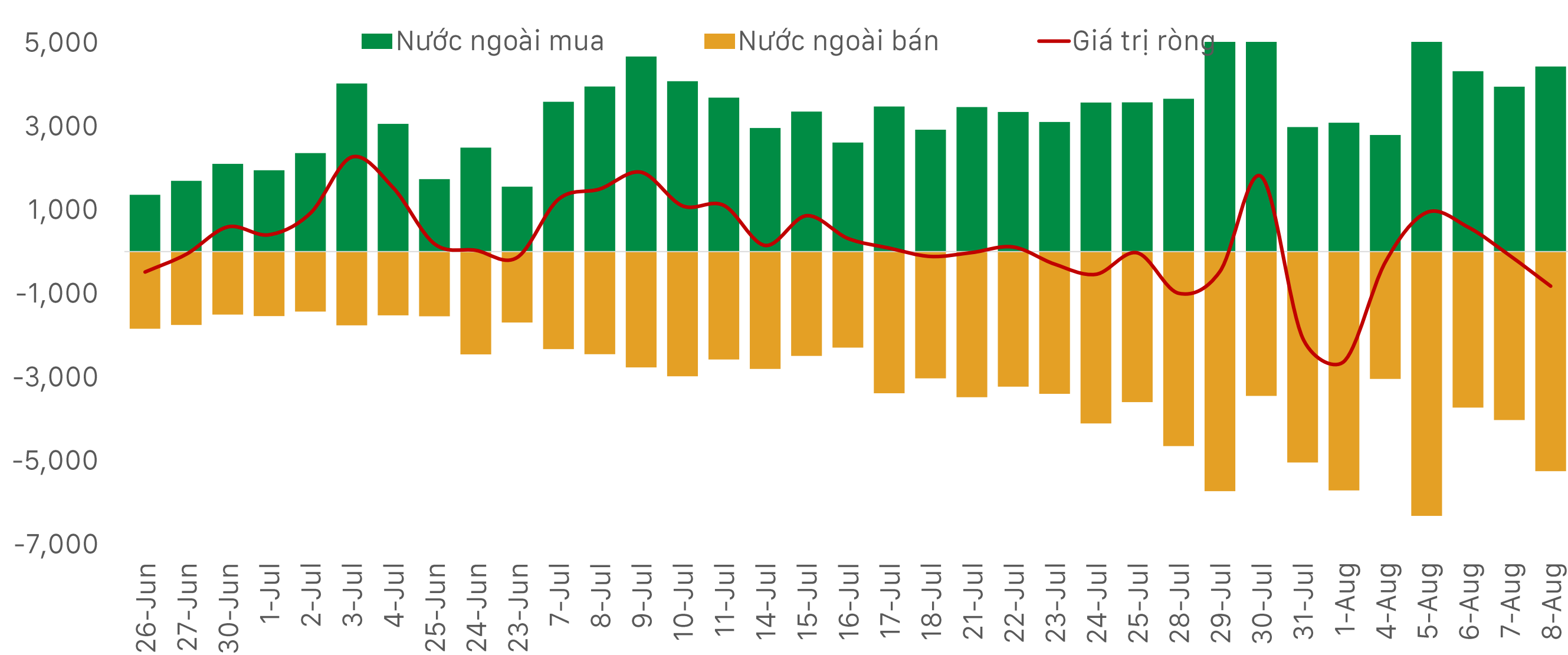


- Trong số các nhóm Quỹ Quốc gia Châu Á không bao gồm Nhật Bản, Quỹ Cổ phiếu Hàn Quốc thu hút thêm 506 triệu USD, Quỹ Cổ phiếu Việt Nam ghi nhận dòng tiền vào lớn thứ hai trong 27 tháng qua, và dòng tiền vào Quỹ Cổ phiếu Ấn Độ phục hồi. Nhóm sau ghi nhận dòng tiền vào thứ 12 trong 14 tuần.
- Các Quỹ Cổ phiếu Mỹ có trụ sở ở nước ngoài cũng ghi nhận dòng tiền vào vững chắc, lớn nhất trong chín tuần. Tuy nhiên, bất chấp thị trường chứng khoán Mỹ đạt mức cao kỷ lục mới, tổng dòng tiền của tất cả Quỹ Cổ phiếu Mỹ là âm trong 11/14 tuần gần đây. Việc rút vốn từ các lớp cổ phần bán lẻ đạt mức cao nhất trong 31 tuần. Trong khi đó, dữ liệu hàng tháng mới nhất cho thấy dòng tiền ròng ra từ tất cả Quỹ Cổ phiếu Mỹ đạt mức cao nhất trong 30 tháng.
- Quỹ ETF thị trường Việt Nam trong tháng 7 có sự gia tăng mạnh hơn 2200 tỷ nhưng dòng tiền rút ra cũng gia tăng tương ứng. Xu hướng giao dịch của các quỹ đầu tư đang bán ròng trở lại trong những tuần đầu tháng 8.

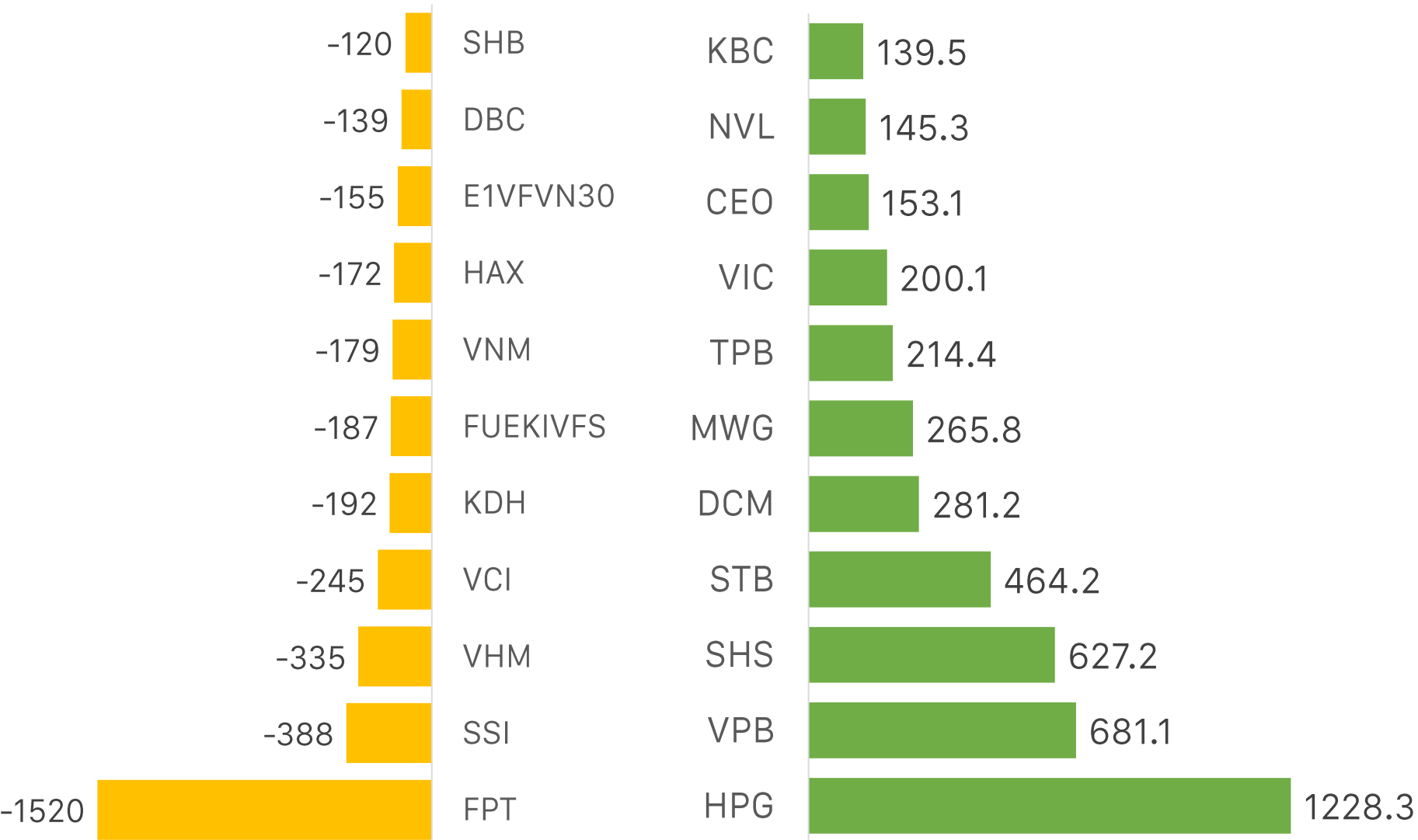
# KHOẢNG GIA TĂNG GIAO DỊCH



Giá trị mua bán khối ngoại (tỷ VND)

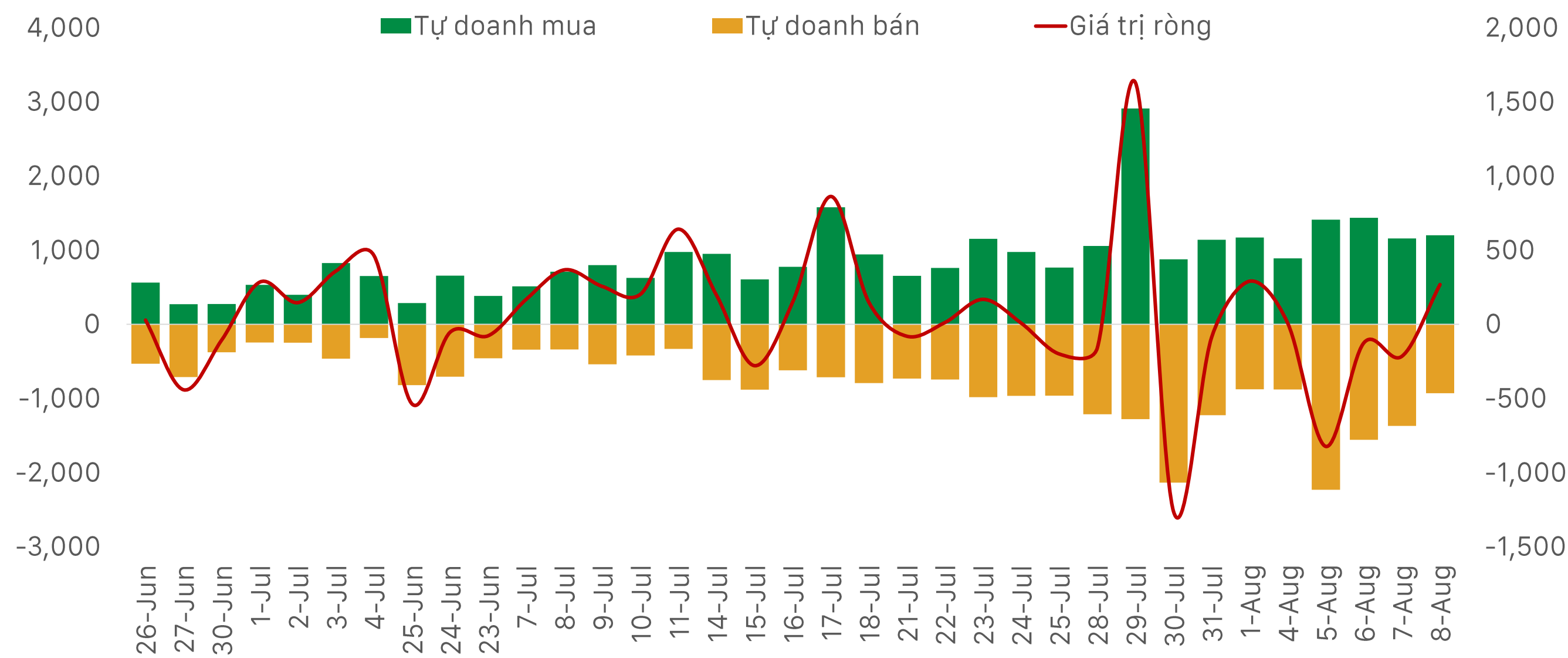


Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

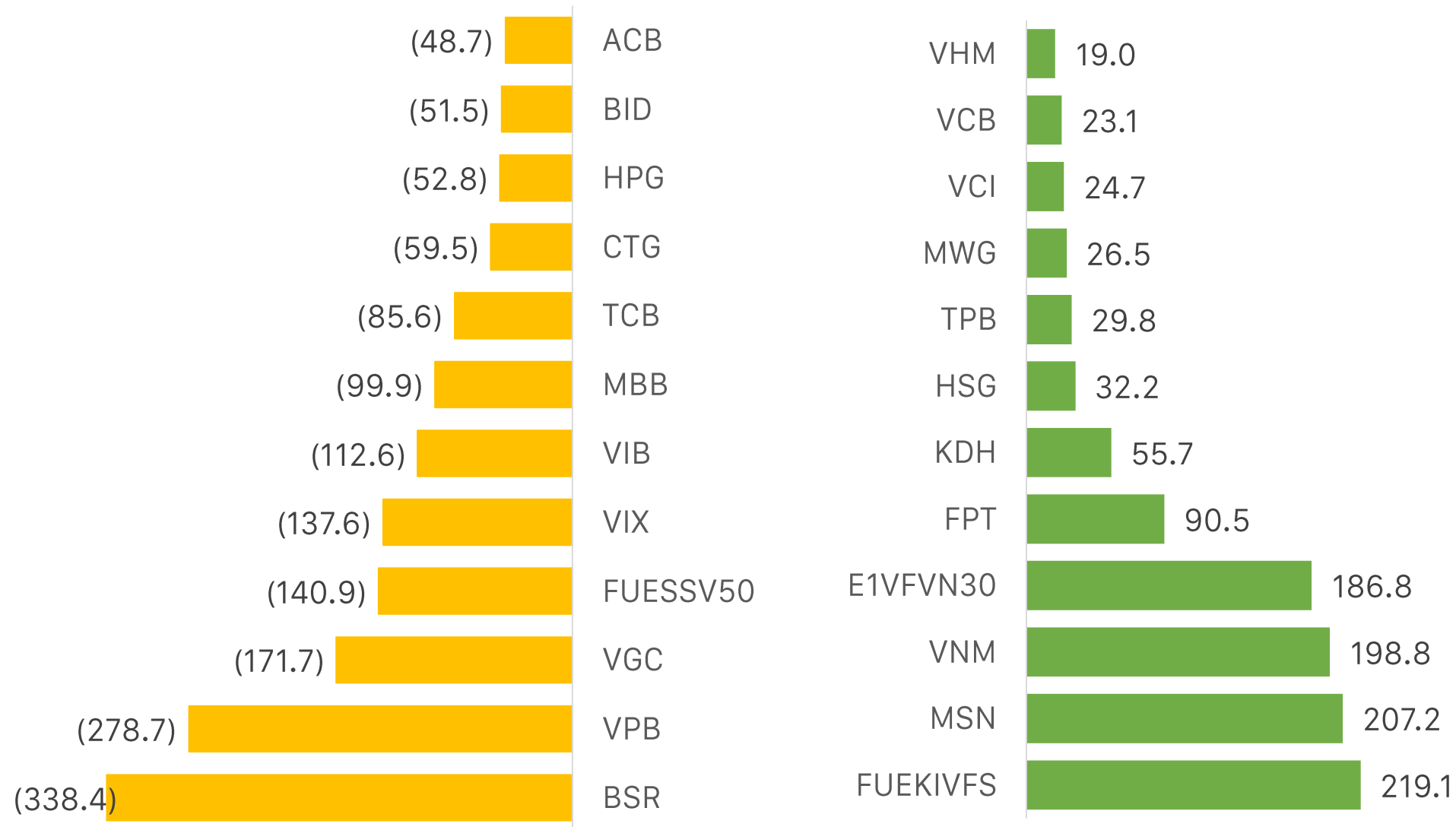


- Giá trị giao dịch của khối ngoại tiếp tục đạt ở mức cao trong tuần giao dịch vừa qua và có một số phiên mua ròng. Giá trị giao dịch của khối ngoại tăng mạnh kể từ tháng 7 trở đi và giao dịch càng nhiều ở những phiên thị trường biến động mạnh về chỉ số. Có phiên mỗi chiều mua bán của khối ngoại vượt 5000 tỷ đồng. Việc này kích thích dòng tiền khối nội tăng trưởng theo đẩy thanh khoản thị trường chung đạt kỷ lục
- Trong tuần qua khối ngoại bán ròng nhiều nhất nhóm cổ phiếu FPT (gần 1500 tỷ), SSI (gần 388 tỷ), VHM (hơn 335 tỷ, VCI (245 tỷ). Ngoài FPT bán ròng liên tục từ đầu năm thì nhóm cổ phiếu VHM, SSI bán ròng mạnh khi giá cổ phiếu đã tăng trưởng mạnh. Phía mua ròng khi nhận xuất hiện HPG (1228 tỷ), VPB (681 tỷ), SHS ( 627 tỷ).
- Xu hướng giao dịch của khối ngoại đang cân bằng hơn và có một số phiên mua ròng. Xu hướng mua vào vẫn tập trung vào nhóm ngân hàng nhiều và một số cổ phiếu tăng trưởng như HPG, DCM.

Giá trị mua bán Tự Doanh (tỷ VND)



Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



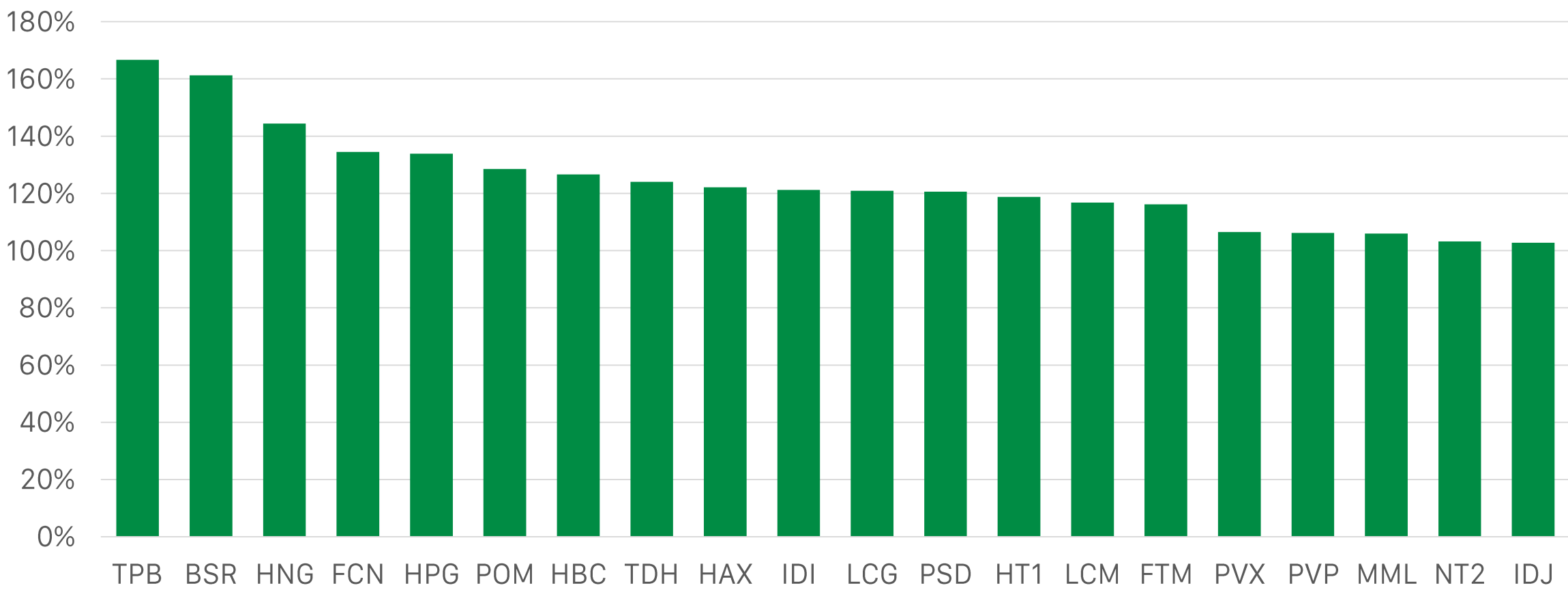
- Khối tự doanh giao dịch tăng mạnh trong tuần vừa qua và quay lại mua ròng vào phiên giao dịch cuối tuần. Xu hướng nhóm tự doanh vẫn bán ra nhiều hơn so với mua vào tuy nhiên giá trị không quá chênh lệch.
- Trong tuần qua nhóm tự doanh bán ròng mạnh BSR (338 tỷ) cùng với VPB (278 tỷ), VGC (171 tỷ). Nhóm tự doanh chủ yếu bán ròng nhiều cổ phiếu ngân hàng. Đây là tuần thứ 3 liên tiếp nhóm tự doanh bán ròng mạnh VPB. Một số cổ phiếu cũng bị bán ròng tương đối như VIX, VIB, MBB, TCB, CTG.
- Phía mua ròng khối tự doanh mua mạnh một số chứng chỉ quỹ và các blue chip MSN (207 tỷ), VNM (199 tỷ), FPT (90 tỷ) và một số cổ phiếu KDH, HSG, TPB, MWG.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

| Phân ngành                    | Tỷ trọng dòng tiền | Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh | Sức mạnh dòng tiền |
|-------------------------------|--------------------|--------------------------------|--------------------|
| Ngân hàng                     | 25.6%              | STB, MBB, SHB, VPB, OCB        |                    |
| Bất động sản                  | 18.4%              | DIG, DXG, NLG, NVL             |                    |
| Dịch vụ tài chính             | 23.1%              | SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND   |                    |
| Công nghệ Thông tin           | 2.4%               | FPT, CMG, ELC                  |                    |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 5.4%               | GEX, VSC, HAH, VTP, GMD        |                    |
| Thực phẩm và đồ uống          | 7.0%               | DBC, MSN, HAG, BAF             |                    |
| Xây dựng và Vật liệu          | 6.3%               | CII, HHV, VCG                  |                    |
| Tài nguyên Cơ bản             | 8.9%               | HPG, HSG, NKG                  |                    |
| Hóa chất                      | 3.6%               | DPM, DCM, GVR                  |                    |
| Bán lẻ                        | 2.9%               | MWG, DGW, PET                  |                    |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 1.7%               | POW, GEG, REE                  |                    |
| Dầu khí                       | 5.5%               | PVD, PVS                       |                    |
| Ô tô và phụ tùng              | 0.8%               | HHS, HUT                       |                    |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 0.7%               | TCM, TNG, PNJ                  |                    |
| Du lịch và Giải trí           | 0.8%               | HVN                            |                    |
| Viễn thông                    | 0.7%               | VGI                            |                    |
| Truyền thông                  | 0.2%               | YEG                            |                    |
| Bảo hiểm                      | 0.2%               | BVH                            |                    |
| Y tế                          | 0.1%               | DCL, DBD                       |                    |

- Dòng tiền trong tuần qua vẫn nhiều tập trung vào nhóm ngân hàng nhiều nhất và chiếm hơn 25% tổng giá trị giao dịch thị trường. Dòng tiền từ giữa tuần chuyển hướng vào nhóm bất động sản và mid cap và cả penny nhiều hơn như nhóm thực phẩm, tài chính, thép.
- Nhóm chứng khoán ghi nhận dòng tiền giao dịch tăng mạnh như HPG, HSG, FCN, LCG, TPB.
- Top cổ phiếu có dòng tiền đột biến nổi bật trong tuần qua: TPB, BSR, HNG, FCN, HPG. Xu hướng dòng tiền đang chuyển dịch sang nhóm hạ tầng liên quan đầu tư công và một số cổ phiếu có kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh 6 tháng đầu năm.

Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



# TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH 6 THÁNG CÁC DOANH NGHIỆP



|                               | Số DN | DT<br>6T.2025 | DT<br>6T.2025 | Tăng<br>trưởng % | LN<br>6T.2025 | LN<br>6T.2025 | Tăng<br>trưởng % |
|-------------------------------|-------|---------------|---------------|------------------|---------------|---------------|------------------|
| Ngân hàng                     | 27    | -             | -             |                  | 118,250       | 137,685       | 16.4%            |
| Bất động sản                  | 103   | 155,283       | 271,385       | 74.8%            | 16,475        | 42,880        | 160.3%           |
| Thực phẩm và đồ uống          | 106   | 249,413       | 247,993       | -0.6%            | 18,955        | 21,004        | 10.8%            |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 149   | 139,405       | 154,426       | 10.8%            | 20,118        | 20,010        | -0.5%            |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 116   | 195,216       | 201,157       | 3.0%             | 11,836        | 18,795        | 58.8%            |
| Tài nguyên Cơ bản             | 78    | 264,051       | 259,856       | -1.6%            | 8,931         | 11,136        | 24.7%            |
| Hóa chất                      | 54    | 72,574        | 90,793        | 25.1%            | 6,612         | 9,244         | 39.8%            |
| Xây dựng và Vật liệu          | 204   | 123,214       | 139,218       | 13.0%            | 7,262         | 8,429         | 16.1%            |
| Du lịch và Giải trí           | 29    | 100,183       | 107,091       | 6.9%             | 9,459         | 8,434         | -10.8%           |
| Dịch vụ tài chính             | 42    | 22,356        | 25,806        | 15.4%            | 7,345         | 8,359         | 13.8%            |
| Công nghệ Thông tin           | 18    | 38,317        | 43,019        | 12.3%            | 4,707         | 5,969         | 26.8%            |
| Viễn thông                    | 5     | 25,425        | 30,526        | 20.1%            | 4,300         | 5,012         | 16.6%            |
| Dầu khí                       | 10    | 285,088       | 309,265       | 8.5%             | 5,657         | 4,564         | -19.3%           |
| Bán lẻ                        | 21    | 119,438       | 133,610       | 11.9%            | 2,805         | 4,414         | 57.4%            |
| Hàng cá nhân & Gia dụng       | 52    | 72,567        | 70,371        | -3.0%            | 3,250         | 4,264         | 31.2%            |
| Ô tô và phụ tùng              | 14    | 36,687        | 44,946        | 22.5%            | 660           | 4,057         | 514.6%           |
| Bảo hiểm                      | 13    | 39,416        | 42,248        | 7.2%             | 3,278         | 3,695         | 12.7%            |
| Y tế                          | 39    | 20,821        | 21,623        | 3.9%             | 2,029         | 1,844         | -9.1%            |
| Truyền thông                  | 26    | 10,069        | 11,120        | 10.4%            | (348)         | 300           |                  |
|                               | 1106  | 1,969,522     | 2,204,453     | 11.9%            | 251,580       | 320,095       | 27.2%            |

- Đã có hơn 1100 doanh nghiệp trên cả 3 sàn công bố báo cáo lợi nhuận 6 tháng đầu năm. Năm nay các doanh nghiệp tăng trưởng không đồng đều và có một số ngành tăng trưởng âm như dầu khí, y tế.
- Các nhóm ngành lớn như ngân hàng tăng trưởng lợi nhuận ở mức khá 16%. Các nhóm ngành hóa chất tăng trưởng gần 40% đặc biệt là ở các doanh nghiệp đầu ngành như GVR, DPM, DCM.
- Các nhóm ngành Xây dựng vật liệu, Viễn Thông, bán lẻ tăng trưởng khá.
- Các doanh nghiệp nổi bật 6 tháng đầu năm tính đến thời điểm này: VIX, GEE, MBB, VPB, STB, VIC

# CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường vẫn trong xu hướng tăng trung hạn tuy nhiên áp lực điều chỉnh sẽ tăng dần khi kết quả kinh doanh các doanh nghiệp quý 2 công bố gần hết. Thị trường có thể có nhiều pha điều chỉnh và rung lắc nhiều hơn. Các nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, hóa chất, bán lẻ đang được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhất.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

- Ngân hàng: STB, TCB
- Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

| STT | CP  | Giá mục tiêu | Lợi suất kỳ vọng (%) | EPS   | PE    | Điểm nhấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-----|--------------|----------------------|-------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | STB | 55,000       | 16.9%                | 5,767 | 8.16  | <ul style="list-style-type: none"><li>Tăng trưởng lợi nhuận đạt kỳ vọng nhờ tín dụng tăng trưởng tốt và cải thiện NIM; chất lượng tài sản ổn định dù còn thách thức.</li><li>Chuẩn bị hoàn tất đấu giá khoản nợ đảm bảo bằng cổ phần của Trầm Bê, có tiềm năng tăng đáng kể lợi nhuận và giá trị sổ sách.</li><li>STB lên kế hoạch mua cổ phần chi phối tại một công ty chứng khoán nhằm mở rộng dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.</li><li>Nâng vốn điều lệ qua ESOP và cổ phiếu thưởng, báo hiệu giai đoạn tăng trưởng tích cực mới sau tái cấu trúc.</li></ul>                                                                                                       |
| 2   | TCB | 40,000       | 14.4%                | 3,013 | 11.60 | <ul style="list-style-type: none"><li>Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB.</li><li>Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bất đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA.</li><li>TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.</li></ul>                                                                                                        |
| 3   | MWG | 75,000       | 13.1%                | 2,977 | 22.27 | <ul style="list-style-type: none"><li>MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng.</li><li>BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY.</li><li>MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động.</li><li>MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.</li></ul>                                                                                                                                                   |
| 4   | HAG | 18,000       | 25%                  | 1,084 | 12.32 | <ul style="list-style-type: none"><li>HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng.</li><li>Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025.</li><li>Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.</li></ul> |

Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 55,000          |
| % tăng giá   | 16.9%           |
| Vùng giá mua | 45,000 – 47,000 |
| Giá dừng lỗ  | 40,000          |

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý 1.2025, ngân hàng STB đạt lợi nhuận gần 2,900 tỷ đồng tăng trưởng 37% so với cùng kỳ. Về mục tiêu kinh doanh năm 2025, Sacombank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 14.650 tỷ đồng – tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong chặng cuối của giai đoạn tái cơ cấu. STB có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong các quý còn lại của năm và dự báo quý 2 có thể tăng trưởng lợi nhuận khoảng 25% so với quý 1 lên trên 3,500 tỷ. Lợi nhuận tăng trưởng của của STB đến từ khả năng hoàn nhập dự phòng và kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả. STB đang sắp hoàn tất quá trình tái cấu trúc nợ và chuyển sang giai đoạn tăng tốc phát triển.
- STB đã hoàn thành 13/14 bước tái cấu trúc; bước cuối cùng là đấu giá khoản nợ được đảm bảo bằng 32,5% cổ phần của Trầm Bê. Tổng giá trị nợ gốc là 6.611 tỷ đồng và lãi cộng dồn 13.450 tỷ đồng, cần giá đấu khoảng 33.200 đồng/cp để thu hồi đủ. STB cho biết, ngay cả khi đấu giá thành công, Trầm Bê cũng sẽ không nhận được khoản dư nào do nghĩa vụ lãi rất lớn từ các khoản vay khác. STB có thể thu hồi giá trị tiềm năng khoảng 15 nghìn tỷ đồng (tương đương lợi nhuận sau thuế khoảng 20 nghìn tỷ đồng). Điều này đồng nghĩa lợi nhuận ròng 2025 có thể tăng 128%, hoặc giá trị sổ sách (BVPS) tăng 23% lên 43.700 đồng/cp.
- STB dự kiến mua lại trên 50% cổ phần tại một công ty chứng khoán, với vốn đầu tư tối đa 1.500 tỷ đồng, không bao gồm công ty con đã thoái vốn trước đây (SBS). Đây là bước chuyển đổi chiến lược từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng đa năng, cung cấp thêm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.

Phân tích kỹ thuật

STB đang có sự bứt phá quanh nền giá 47 kéo dài gần 1 tháng qua lên mức đỉnh mới trên 50. STB đang thiết lập xu hướng tăng giá mới với mục tiêu tiếp theo quanh vùng 55-57. Các chỉ báo RSI hiện quay lại xu hướng tăng và vượt qua 70. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ STB và có thể mua thêm nếu cổ phiếu rung lắc về quanh 47-48. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 55,000.



| STB                          | 2020   | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | Q1.2025 |
|------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|---------|
| Vốn chủ sở hữu               | 28,956 | 34,261 | 38,627 | 45,734 | 54,972 | 57,862  |
| Vốn điều lệ                  | 18,852 | 18,852 | 18,852 | 18,852 | 18,852 | 20,602  |
| Thu nhập lãi thuần           | 11,527 | 11,964 | 17,147 | 22,072 | 24,532 | 6,863   |
| Lợi nhuận sau thuế           | 2,682  | 3,411  | 5,041  | 7,719  | 10,087 | 2,897   |
| EPS                          | 1,206  | 1,595  | 2,674  | 4,094  | 4,751  | 1,537   |
| Tỉ lệ CASA                   | 18.7%  | 22.5%  | 18.9%  | 18.3%  | 17.9%  | 17.2%   |
| P/B                          | 2.2    | 1.4    | 1.5    | 1.5    | 1.6    | 1.5     |
| BVPS (VND)                   | 15,360 | 18,174 | 20,489 | 24,259 | 29,160 | 30,693  |
| ROE (%)                      | 9.6%   | 10.8%  | 13.8%  | 18.3%  | 20.0%  | 20.4%   |
| NIM (%)                      | 2.7%   | 2.6%   | 3.3%   | 3.7%   | 3.6%   | 3.5%    |
| LDR (%)                      | 78.2%  | 89.1%  | 95.2%  | 93.0%  | 93.6%  | 94.6%   |
| Chi phí/ Thu nhập (%)        | 63.1%  | 55.1%  | 41.8%  | 49.2%  | 48.8%  | 50.4%   |
| Tỉ lệ nợ xấu (%)             | 1.7%   | 1.5%   | 1.0%   | 2.3%   | 2.4%   | 2.5%    |
| Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu | 93.7%  | 118.6% | 131.0% | 68.8%  | 68.4%  | 74.7%   |

Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 40,000          |
| % tăng giá   | 14.4%           |
| Vùng giá mua | 33,000 – 35,000 |
| Giá dừng lỗ  | 29,000          |

Phân tích kỹ thuật

TCB đã tích lũy quanh vùng giá 34 trong 3 tuần và vừa có phiên đột phá về giá thiết lập đỉnh mới quanh 36. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua. Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35-36 một thời gian. Vùng mua mới có thể mở quanh 34,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



| TCB                          | 2020   | 2021   | 2022    | 2023    | 2024    | Q1.2025 |
|------------------------------|--------|--------|---------|---------|---------|---------|
| Vốn chủ sở hữu               | 74,615 | 93,041 | 113,425 | 131,616 | 147,940 | 153,953 |
| Vốn điều lệ                  | 35,049 | 35,109 | 35,172  | 35,225  | 70,649  | 78,413  |
| Thu nhập lãi thuần           | 18,751 | 26,699 | 30,290  | 27,691  | 35,508  | 8,305   |
| Lợi nhuận sau thuế           | 12,582 | 18,415 | 20,436  | 18,191  | 21,760  | 6,014   |
| EPS                          | 3,510  | 5,131  | 5,729   | 5,111   | 3,041   | 842     |
| Tỉ lệ CASA                   | 44.3%  | 47.0%  | 34.3%   | 38.0%   | 35.9%   | 33.7%   |
| P/B                          | 2.3    | 1.1    | 1.1     | 0.7     | 1.5     | 1.4     |
| BVPS (VND)                   | 21,151 | 26,259 | 31,927  | 36,990  | 20,583  | 21,425  |
| ROE (%)                      | 18.1%  | 21.7%  | 19.7%   | 14.8%   | 15.6%   | 14.7%   |
| NIM (%)                      | 4.9%   | 5.7%   | 5.3%    | 4.0%    | 4.2%    | 4.0%    |
| LDR (%)                      | 99.2%  | 109.2% | 116.0%  | 112.7%  | 116.9%  | 123.2%  |
| Chi phí/ Thu nhập (%)        | 32.8%  | 30.1%  | 32.1%   | 33.1%   | 32.7%   | 28.3%   |
| Tỉ lệ nợ xấu (%)             | 0.5%   | 0.7%   | 0.7%    | 1.2%    | 1.1%    | 1.2%    |
| Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu | 171.0% | 162.9% | 157.3%  | 102.1%  | 113.9%  | 111.6%  |

Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 75,000          |
| % tăng giá   | 13.1%           |
| Vùng giá mua | 64,000 – 66,000 |
| Giá dừng lỗ  | 59,000          |

Phân tích kỹ thuật

MWG duy trì đà tăng vững chắc từ vùng giá 64 lên vùng giá mới quanh 70. Các chỉ báo kỹ thuật cho xu hướng tăng trung hạn với mục tiêu gần nhất quanh 75. Giá 75 cũng là đỉnh giá cao nhất vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG có thể trở lại đỉnh kháng cự cũ và thiết lập đỉnh mới quanh 80 trong từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chững lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



| MWG                      | 2020    | 2021    | 2022    | 2023    | 2024    | 2025Q1 |
|--------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|--------|
| Doanh thu (tỷ VND)       | 108,546 | 122,958 | 133,405 | 118,280 | 134,341 | 36,135 |
| Lợi nhuận (tỷ VND)       | 3,918   | 4,899   | 4,100   | 168     | 3,722   | 1,546  |
| Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)   | 23,954  | 27,632  | 30,862  | 22,521  | 27,499  | 7,200  |
| Chi phí lãi vay (tỷ VND) | (594)   | (674)   | (1,362) | (1,448) | (1,137) | (323)  |
| KLCP DLH (triệu CP)      | 453     | 713     | 1,464   | 1,463   | 1,462   | 1,462  |
| VCSH (tỷ VND)            | 15,482  | 20,378  | 23,933  | 23,360  | 28,122  | 29,669 |
| Tổng Tài Sản (tỷ VND)    | 46,031  | 62,971  | 55,834  | 60,111  | 70,438  | 72,679 |
| Book Value               | 34,160  | 28,578  | 16,349  | 15,963  | 19,232  | 20,290 |
| EPS                      | 8,644   | 6,870   | 2,801   | 115     | 2,545   | 2,985  |
| ROE                      | 25.3%   | 24.0%   | 17.1%   | 0.7%    | 13.2%   | 14.7%  |
| Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)    | 15,625  | 24,647  | 10,688  | 19,129  | 27,300  | 26,222 |
| Vay Dài Hạn (tỷ VND)     | 1,127   | -       | 5,901   | 5,985   | -       | -      |
| Tổng Nợ vay (tỷ VND)     | 16,752  | 24,647  | 16,589  | 25,114  | 27,300  | 26,222 |
| Nợ Vay/VCSH              | 108.2%  | 120.9%  | 69.3%   | 107.5%  | 97.1%   | 88.4%  |

Thông tin cổ phiếu

|              |                 |
|--------------|-----------------|
| Giá mục tiêu | 18,000          |
| % tăng giá   | 12.4%           |
| Vùng giá mua | 13,000 – 13,300 |
| Giá dừng lỗ  | 13,000          |

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 16 và có thể hướng đến 17 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. Quý 1.2025 HAG đạt doanh thu 1,380 tỷ đồng và lợi nhuận 341 tỷ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 – 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 – 22/7.
- Theo báo cáo quý 1, hiện tại HAG còn khoản vay ngắn hạn hơn 6,000 tỷ và nợ dài hạn 1,435 tỷ. Tỷ lệ nợ vay trên VCSH còn 77%, giảm mạnh so với mức 180% hồi 2020. Tính đến cuối quý I/2025, lỗ lũy kế thu hẹp đáng kể, còn khoảng 82,7 tỷ đồng. Có thể kỳ vọng kết thúc Q2/2025, HAG sẽ xóa được lỗ lũy kế và ra khỏi diện cảnh báo.



| HAG                      | 2020    | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025Q1 |
|--------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Doanh thu (tỷ VND)       | 3,177   | 2,097  | 5,111  | 6,932  | 5,783  | 1,380  |
| Lợi nhuận (tỷ VND)       | (1,256) | 203    | 1,129  | 1,709  | 1,013  | 341    |
| Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)   | 206     | 507    | 1,173  | 1,364  | 2,172  | 564    |
| Chi phí lãi vay (tỷ VND) | (1,254) | (972)  | (793)  | 271    | (716)  | (143)  |
| KLCP DLH (triệu CP)      | 927     | 927    | 927    | 927    | 1,057  | 1,057  |
| VCSH (tỷ VND)            | 10,028  | 4,673  | 5,195  | 6,726  | 9,326  | 9,743  |
| Tổng Tài Sản (tỷ VND)    | 37,266  | 18,440 | 19,798 | 21,528 | 22,281 | 23,479 |
| Book Value               | 10,812  | 5,039  | 5,601  | 7,252  | 8,819  | 9,214  |
| EPS                      | (1,354) | 219    | 1,217  | 1,843  | 958    | 1,081  |
| ROE                      | -12.5%  | 4.3%   | 21.7%  | 25.4%  | 10.9%  | 11.7%  |
| Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)    | 8,772   | 2,510  | 4,000  | 4,829  | 5,748  | 6,069  |
| Vay Dài Hạn (tỷ VND)     | 9,331   | 5,777  | 4,165  | 3,082  | 1,217  | 1,435  |
| Tổng Nợ vay (tỷ VND)     | 18,103  | 8,286  | 8,166  | 7,910  | 6,965  | 7,504  |
| Nợ Vay/VCSH              | 180.5%  | 177.3% | 157.2% | 117.6% | 74.7%  | 77.0%  |

# LỊCH SỰ KIỆN



| Thứ 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thứ 3                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Thứ 4                                                                                                                                                                                                                      | Thứ 5                                                                                                                                                                                                                                 | Thứ 6                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div></div> <div>Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) công bố báo cáo ổn định tài chính định kỳ, đánh giá các rủi ro đối với hệ thống tài chính khu vực.</div>                                                                                       | <div></div> <div>Công bố dữ liệu sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ tháng 7. Các số liệu này sẽ cung cấp cái nhìn về tốc độ phục hồi kinh tế của Trung Quốc.</div>                               | <div></div> <div>Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) tổ chức cuộc họp chính sách tiền tệ và có thể đưa ra quyết định về lãi suất.</div> | <div></div> <div>Công bố doanh số bán lẻ tháng 7. Chỉ số này phản ánh sức khỏe chi tiêu của người tiêu dùng và tình hình kinh tế nói chung..</div> | <div></div> <div>Cuộc họp của các quan chức Fed để thảo luận về chính sách lãi suất trong bối cảnh lạm phát và tăng trưởng kinh tế.</div> |
| <div></div> <div>Công bố dữ liệu xuất khẩu tháng 7, dự kiến tăng trưởng nhờ nhu cầu từ Đông Nam Á và châu Âu, phản ánh sự phục hồi kinh tế sau các biện pháp kích thích từ chính phủ Bắc Kinh, có thể ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.</div> | <div></div> <div>Công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7. Đây là một trong những dữ liệu kinh tế quan trọng nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang (Fed).</div> | <div></div> <div>Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat) công bố số liệu GDP sơ bộ quý II của Khu vực đồng euro.</div>                      | <div></div> <div>Công bố báo cáo GDP sơ bộ quý II.</div>                                                                                           | <div></div> <div>Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Nhật Bản với trọng tâm là hợp tác đầu tư và thương mại.</div>                           |

| STT | Mã CK | Sàn   | Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC  | Ngày thực hiện | Nội dung sự kiện                                | Loại Sự kiện             |
|-----|-------|-------|------------|------------|----------------|-------------------------------------------------|--------------------------|
| 1   | MNB   | UPCoM | 15/08/2025 | 18/08/2025 | 29/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 2   | SFI   | HOSE  | 15/08/2025 | 18/08/2025 | 25/08/2025     | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 3   | GTA   | HOSE  | 15/08/2025 | 18/08/2025 | 27/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 4   | CCR   | HNX   | 15/08/2025 | 18/08/2025 | 29/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 5   | NQN   | UPCoM | 15/08/2025 | 18/08/2025 | 28/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 287 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 6   | IDC   | HNX   | 14/08/2025 | 15/08/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 7   | KSV   | HNX   | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 5/9/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 8   | EMS   | UPCoM | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 29/09/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 9   | SMB   | HOSE  | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 25/08/2025     | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP  | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 10  | SHC   | UPCoM | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 29/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 11  | VAB   | HOSE  | 14/08/2025 | 15/08/2025 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:51.19                | Thưởng cổ phiếu          |
| 12  | PGD   | HOSE  | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 10/10/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 13  | LM8   | HOSE  | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 28/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 14  | ACE   | UPCoM | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 15/09/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP  | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 15  | ACE   | UPCoM | 14/08/2025 | 15/08/2025 | 15/10/2025     | Trả cổ tức đợt 3/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 16  | MBB   | HOSE  | 13/08/2025 | 14/08/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:32 | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |
| 17  | MBB   | HOSE  | 13/08/2025 | 14/08/2025 | 21/08/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 18  | QNS   | UPCoM | 13/08/2025 | 14/08/2025 | 26/08/2025     | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 19  | GSP   | HOSE  | 13/08/2025 | 14/08/2025 | 23/09/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      | Trả cổ tức bằng tiền mặt |
| 20  | GSP   | HOSE  | 13/08/2025 | 14/08/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu |



**THANK YOU**